

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

-----o0o-----



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

(Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp
Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 12 năm 2006)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Phần I: Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	10
Phần II: Tình hình hoạt động trong năm	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2. Tổ chức và nhân sự	21
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	30
4. Tình hình tài chính	30
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	32
Phần III: Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty	33
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2. Tình hình tài chính	37
3. Kế hoạch phát triển tương lai	39
Phần IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	40
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	40
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	42
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	43
Phần V: Quản trị Công ty	46
1. Hội đồng quản trị	50
2. Ban kiểm soát	50
3. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của Công ty	53
4. Tiền lương và Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	54
5. Các giao dịch của công đồng nội bộ	55
Phần VI: Báo cáo tài chính	56

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200119965 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 7 năm 2013 tại Sở Kế hoạch đầu tư tp.Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, tp.Hải Phòng
- Số điện thoại: (84-31) 3842151
- Số fax: (84-31) 3842271
- Website: www.vinaship.com.vn
- Mã cổ phiếu: VNA

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

➤ Việc thành lập

Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 Đảng Cộng sản Việt Nam, các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực bắt tay vào công cuộc đổi mới toàn diện về quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp và chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Không nằm ngoài quy luật, Bộ Giao thông vận tải cũng thực hiện đổi mới với việc cắt giảm biên chế khối hành chính sự nghiệp, chuyển chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật trực tiếp xuống các doanh nghiệp và thành lập các doanh nghiệp mới.

Cũng trong thời kỳ này, ngày 10/3/1984, Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) được thành lập theo Quyết định số 694/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải .

Ngày 23/3/1993: Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định thành lập lại Công ty Vận tải biển III theo Quyết định số 463/QĐ-TCCB. Công ty Vận tải biển III là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 105658 do Sở Kế hoạch đầu tư t/p Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 3 năm 2002.

Ngày 24 tháng 10 năm 2006, Bộ Giao thông vận tải ký quyết định số 2264/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty vận tải biển III , đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP.

Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2006, được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0203002740** ngày 27/12/2006, với tổng số vốn điều lệ là **200** tỷ đồng, trong đó vốn Nhà Nước nắm giữ 51%.

Trong lịch sử 31 năm hình thành và phát triển, Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tích cao trong sản xuất kinh doanh và góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

➤ **Niêm yết cổ phiếu**

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số 93/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/8/2008.

- Mã chứng khoán: VNA
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 09/09/2008
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 20.000.000 cổ phiếu

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

➤ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; | <ul style="list-style-type: none">- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn tàu, biển. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;- Bốc xếp hàng hóa;- Đại lý, môi giới, đấu giá;- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; |
|---|--|

➤ **Địa bàn hoạt động**

Vận tải đường biển:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư phát triển đội tàu, trang thiết bị sản xuất, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Vì thế trong những năm vừa qua, Công ty đã không những giữ vững mà còn phát triển thị phần vận tải trong nước và khu vực, mở thêm những lĩnh vực kinh doanh mới.

Xét về phương diện quy mô vốn, số tấn trọng tải Đội tàu và thị phần vận tải thì VINASHIP được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải biển lớn thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh, với mô hình tổ chức hiện có, được thừa hưởng đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Vinaship cũng luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu "VINASHIP" trong thị trường vận tải trong nước cũng như thị trường vận tải quốc tế, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước Khu vực Đông Nam Á và Bắc Á. Các đối tác và bạn hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nông sản (Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – VINAFOOD II, Thoresen Indochina SA, Bulog, NFA, Toepfer, Cargill, Samsung Logistic, Chayaporn Rice Co., Thailand...), than đá (Thailand Anthracite Coal Co., Ltd, Teparak SA...), Clinker, thạch cao (SCT, SCCC, Lafarge, DIC, ITC, ...), sắt thép (Vinakyoe, Lee Metal Group Singapore, Green Pacific Jakarta...); phân bón (Philippine Phosphata Fertilizer Corporation, Mekatrade Asia Pte Ltd, MITCO Petronas Malaysia...).

Hoạt động dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức: Song hành với kinh doanh vận tải biển, Vinaship đã tích cực phát triển ngành dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức để khai thác thế mạnh về kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ trên thị trường vận tải. Vinaship đã đưa ra thị trường sản phẩm dịch vụ logistics có uy tín và chất lượng cao được các khách hàng trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam tin cậy.

Các dịch vụ vận chuyển nguyên liệu cung cấp tận nhà máy cho nhà sản xuất, vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất tới tận kho của các nhà phân phối đang là những sản phẩm dịch vụ vận tải có chất lượng cao được thị trường tin dùng và thị phần ngày càng mở rộng. Hiện tại VINASHIP đã đạt sản lượng dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức mỗi tháng hàng ngàn Container nội địa và xuất nhập khẩu. Trong tương lai, tỷ trọng của sản phẩm này trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VINASHIP ngày càng tăng, góp phần đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

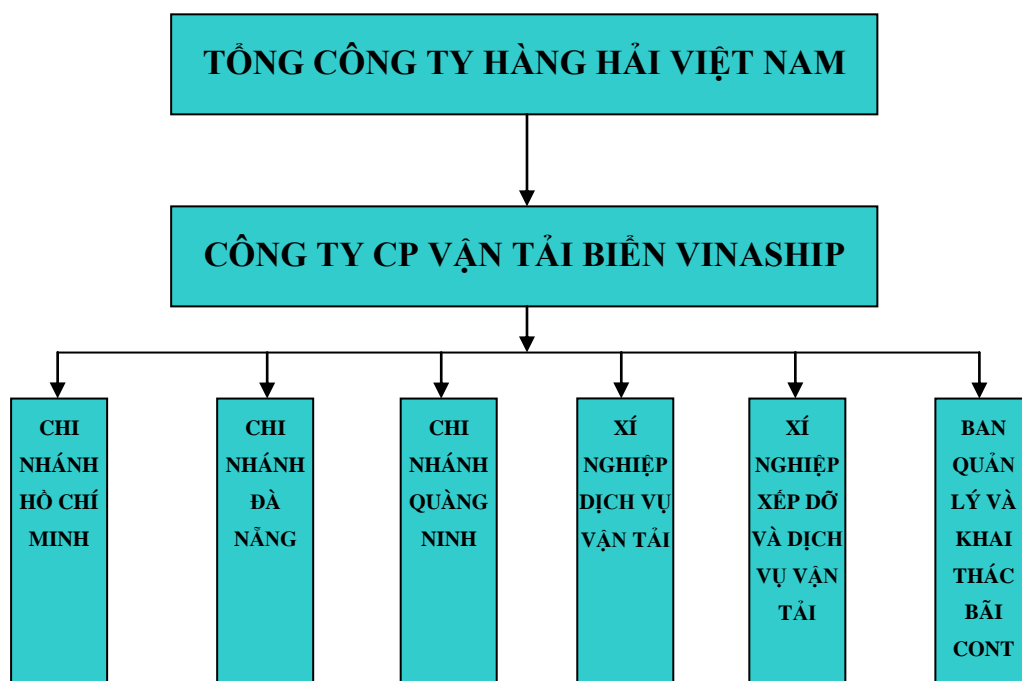
Hoạt động kho bãi, bốc xếp hàng hoá và dịch vụ kho vận: VINASHIP đang quản lý khai thác 01 bãi Container, 01 bãi CFS và 01 bãi Container hậu phương có vị trí địa lý rất thuận lợi. Với mục tiêu vừa khai thác kho bãi vừa làm dịch vụ kho vận giao nhận kết hợp với lực lượng nhân lực bốc xếp có kinh nghiệm, VINASHIP sẽ đưa ra một dịch vụ forwarding hoàn hảo nhằm phục vụ khách hàng chu đáo nhất. Hiện tại công việc này đã mang lại việc làm cho hơn một trăm lao động và một nguồn doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp. Trong những năm tới, khu vực này sẽ là một bộ phận kinh doanh quan trọng góp phần đa dạng hoá hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn giữ vững truyền thống là đơn vị quản lý tài chính nề nếp, vốn và tài sản luôn được bảo toàn, phát triển. Hệ thống tài chính kế toán trong Công ty luôn làm tốt công tác phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và quyết định trong sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo Công ty và đây cũng chính là điểm khác biệt giúp cho Công ty luôn được đánh giá là một trong ít Công ty đứng đầu so với các công ty cùng ngành nghề.

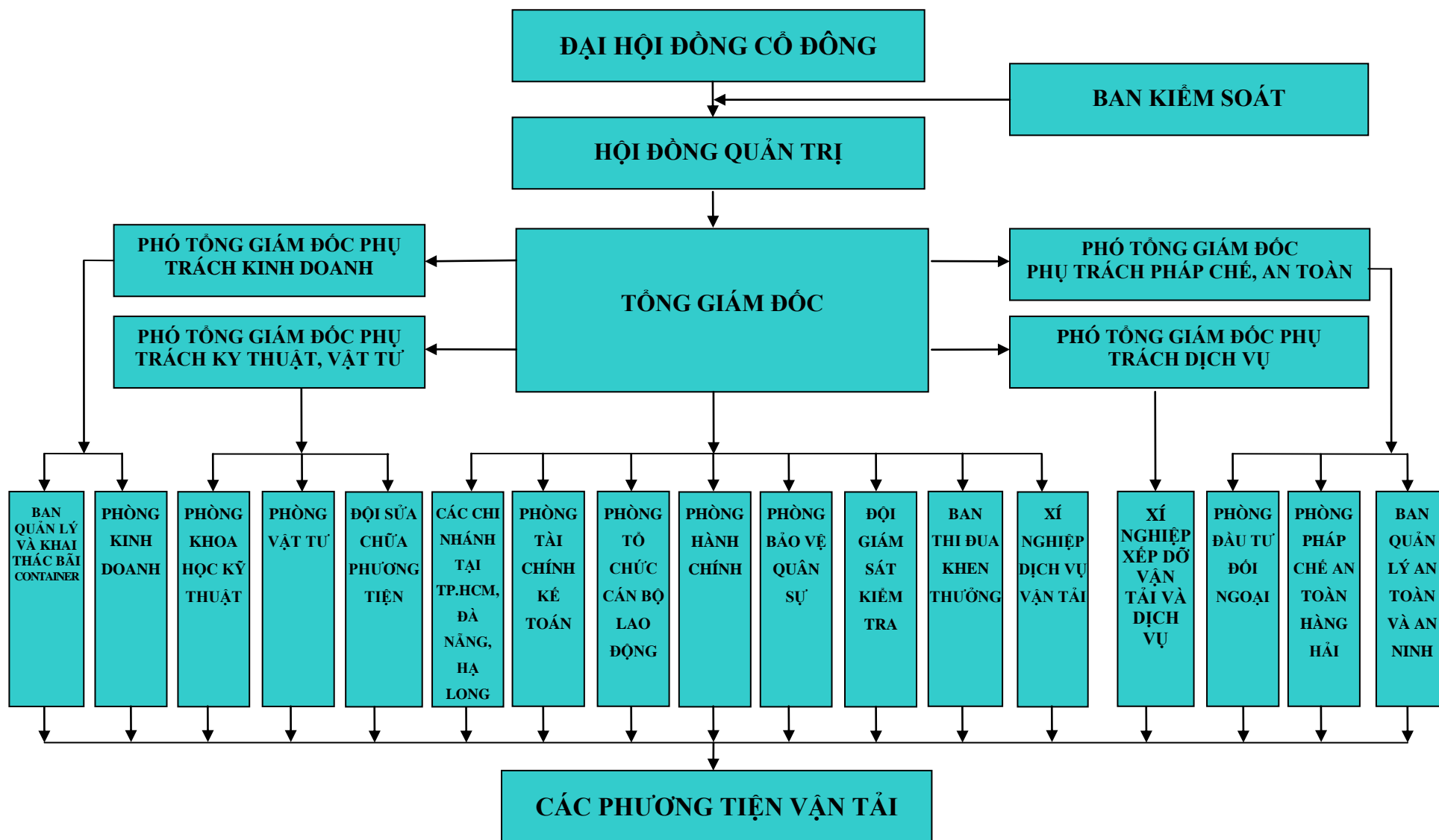
So với các đối thủ trên thị trường, VINASHIP là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

➤ Sơ đồ cơ cấu tổ chức



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Việt Nam là một quốc gia biển, điều kiện địa lý và tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển vận tải biển và ngoại thương bằng đường biển. Vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng lượng hàng hoá lưu thông nội địa, các mặt hàng xuất nhập khẩu như gạo, cà phê, tiêu, hạt điều, dầu thô, khí đốt cũng tăng đáng kể. Đặc biệt, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và các nước trên thế giới có sự tăng trưởng đáng kể. Lượng hàng hoá lưu thông vô cùng dồi dào đang và sẽ là đòn bẩy giúp ngành vận tải biển Việt Nam phát triển. Đáng nói hơn, cơ hội dành cho đội tàu biển Việt Nam không chỉ là vận chuyển nguồn hàng xuất nhập khẩu trong nước mà còn tham gia chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thị trường hàng hoá trong nước có nhiều khởi sắc, thị trường nước ngoài có những tín hiệu đáng mừng. Trong khu vực, Indonesia và Philippines vẫn là 2 nước nhập khẩu gạo lớn của nước ta. Lượng hàng xuất nhập khẩu của Thái Lan vô cùng dồi dào. Tuy nhiên, đội tàu biển của những nước này không đáp ứng kịp, vì vậy, đội tàu biển Việt Nam ngoài việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu trong nước vẫn còn nhiều cơ hội để chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực. Các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia cũng là thị trường đầy tiềm năng cho ngành vận tải biển Việt Nam. Là đơn vị có truyền thống, nhiều kinh nghiệm kinh doanh trên tuyến Châu Á, Công ty đang có những cơ hội lớn để đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, thương hiệu, thâm nhập và mở rộng thị phần trong và ngoài nước.

Hiện nay, VINASHIP đang thực hiện chủ trương đầu tư trẻ hoá và cơ cấu lại đội tàu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, tăng năng lực cạnh tranh của Đội tàu bằng việc đặt đóng mới ở các nhà máy đóng tàu trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng giao dịch để mua tàu đã qua sử dụng của nước ngoài. Chính sách phát triển này của VINASHIP nằm trong kế hoạch nâng cao năng suất vận tải và trẻ hóa Đội tàu biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác đầu tư mở rộng quy mô hoạt động ngành nghề, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường cho các đơn vị trực thuộc như Xí nghiệp Dịch vụ vận tải, Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ.

Bên cạnh đó, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản lý chất lượng để cung cấp dịch vụ vận tải biển đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Tăng cường dịch vụ phải đi kèm với tăng cường chất lượng. Chỉ có chất lượng mới tạo được lòng tin từ khách hàng. Hơn thế nữa Công ty có thể xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên, nằm trong chiến lược phát triển bền vững.

Hiện tại Đội tàu của Công ty gồm 10 tàu chở hàng khô với tổng trọng tải khoảng 169.096 DWT. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận tải Đội tàu thông qua hình thức đóng tàu mới, mua tàu đã qua sử dụng; tập trung vào đầu tư Đội tàu chở hàng rời, hàng bách hóa; tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa Đội tàu thông qua việc bán những tàu già, cũ, hiệu quả khai thác kém.

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư Đội tàu hàng rời, theo chủ trương của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là phát triển đa dạng các loại tàu, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ xem xét việc phát triển các loại tàu hàng khác như tàu Container, tàu hàng lỏng, tàu chuyên dụng... tại thời điểm xét thấy có hiệu quả nhất.

Bảng 1: Bảng kê đội tàu của Công ty

STT	Tên con tàu	Năm đóng/Nơi đóng	Trọng tải (DWT)	Độ mớn nước (m)	Năm đưa vào sử dụng
1	Tàu Mỹ An	1994/Nhật Bản	8.294	7,32	2003
2	Tàu Mỹ Hưng	2003/Việt Nam	6.500	6,9	2003
3	Tàu Mỹ Thịnh	1990/Nhật Bản	14.348	7,939	2004
4	Tàu Mỹ Vượng	1989/Nhật Bản	14.339	7,939	2004
5	Tàu Vinaship Ocean	1986/Nhật Bản	12.367	8,306	2007
6	Tàu Vinaship Diamond	1996/Nhật Bản	24.034	9,553	2009
7	Tàu Vinaship Gold	2008/Việt Nam	13.245	8,35	2008
8	Tàu Vinaship Pearl	1996/Nhật Bản	24.241	9,548	2009
9	Tàu Vinaship Sea	1998/Nhật Bản	27.841	9,65	2010
10	Tàu Vinaship Star	1996/Nhật Bản	23.949	9,42	2011

Đầu tư xây dựng cơ bản:

Ngoài việc tập trung phát triển đội tàu để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty sẽ xúc tiến để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm thúc đẩy các hoạt động dịch vụ tăng lên trong thời gian tới.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin

Hiện tại các phòng ban trong toàn Công ty đã được trang bị đầy đủ công nghệ thông tin. Từ năm 2009 Công ty đã thực hiện kết nối lại đường mạng nội bộ đồng thời sử dụng đường truyền FTTH tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Về phần mềm, Công ty cũng đã từng bước đầu tư các phân hệ phần mềm quản trị doanh nghiệp do các nhà cung cấp trong nước sản xuất phục vụ cho các bộ phận chuyên môn như Tài chính kế toán, Nhân sự và Quản lý khai thác Đội tàu nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, VINASHIP liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

6. CÁC RỦI RO

➤ Rủi ro về kinh tế

Kinh tế xã hội nước ta năm 2015 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đẩy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Điểm nổi bật trong những tháng cuối năm là giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu và vẫn đang tiếp tục giảm. Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao, sức ép nợ xấu còn nặng nề, hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm, sức cạnh tranh và năng lực quản lý doanh nghiệp thấp.

Đối với lĩnh vực vận tải biển, sau thời gian tăng trưởng mạnh, số lượng tàu tăng lên nhanh chóng đã làm mất cân đối giữa cung và cầu tàu biển trên thế giới khiến cho sự cạnh tranh càng trở nên gay gắt. Giá cước vận tải duy trì ở mức thấp kéo dài và thấp hơn giá thành dịch vụ dẫn đến hàng loạt các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển ở cả trong nước và quốc

tế kinh doanh thua lỗ, phải bán tàu. Thậm chí một số đơn vị bị phá sản, số lượng tàu bị bắt giữ để siết nợ ngày càng tăng, nhiều tàu phải dừng hoạt động do không có kinh phí duy trì bảo hiểm, nhiên liệu, lương thuyền viên...

Trong năm 2015, ngoài thị trường vận tải khí hóa lỏng vẫn ở mức cước ổn định thì thị trường vận tải biển vẫn tiếp tục duy trì ở mức trung bình đối với phần lớn các loại tàu hàng lỏng, tàu vận tải container và tàu vận tải hàng rời. Nguyên nhân chính dẫn đến hiện trạng này là do tình trạng dư thừa tải trọng của các đội tàu và nền kinh tế thế giới vẫn đang trong tình trạng phục hồi chậm chạp.

Theo Cục Hàng hải Việt Nam, dù dự báo năm 2016 kinh tế sẽ tiếp tục tăng trưởng, song khó khăn của năm 2015 vẫn để lại dư âm kéo dài đến năm nay, các doanh nghiệp vận tải biển bởi vậy chưa hoàn toàn thoát khỏi khó khăn. Hoạt động kinh doanh vận tải biển và các dịch vụ hàng hải chưa có nhiều dấu hiệu để khởi sắc.

Chính vì vậy, tình trạng cung vượt cầu của thị trường thế giới dự báo vẫn còn kéo dài đến hết năm 2016. Theo đó, các tuyến vận tải của Việt Nam đi quốc tế dự báo vẫn chưa thể hồi phục trong năm nay. Diễn biến nghịch chiều của giá cước và giá đầu vào dự kiến vẫn tiếp diễn trong năm.

Các chỉ số thuê tàu vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục, chỉ số thuê tàu hàng khô Batic (BDI Index) vẫn ở mức thấp từ đầu năm đến nay. Trong khi đó, giá cước khó có thể điều chỉnh tăng mạnh do nhu cầu vẫn còn thấp, nguồn cung vượt cầu.

Cùng với đó, giá xăng dầu tiếp tục biến động, khấu hao lớn từ các tàu mới sẽ khiến lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp vận tải biển tiếp tục bị thu hẹp. Kéo theo là áp lực từ các khoản nợ vay dài hạn gần đến hạn trả.

Đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, nhận thức rõ yếu tố rủi ro trên, trong thời gian qua, Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến kinh tế thế giới và Việt Nam, tập trung tối đa vào việc khai thác hiệu quả thị trường nội địa và chủ động tìm kiếm năm bắt các đối tác khách hàng trên thế giới phù hợp với năng lực vận tải của mình; đồng thời, Công ty cũng có chính sách phòng ngừa rủi ro, phân tích đánh giá tình hình. Đến thời điểm hiện tại, đội tàu của Công ty vẫn được khai thác hiệu quả, một số tàu đang được cho thuê định hạn với mức giá ổn định, đảm bảo được hiệu quả kinh tế và từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn. Nhờ vậy, Công ty đã hạn chế được tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng và có thể tận dụng tốt cơ hội khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi.

➤ **Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện còn trong quá trình hoàn thiện, do vậy sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Hơn nữa, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật về hàng hải, môi trường, bảo hiểm ... cùng các quy định của các nước sở tại và công ước quốc tế do vậy, rủi ro pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty là thường trực và rất đa dạng.

Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật không chỉ của Việt Nam mà còn của các nước mà Vinaship có quan hệ kinh tế. Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

➤ **Rủi ro đặc thù**

Rủi ro biến động giá nhiên liệu

Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, nhiên liệu có tỷ trọng rất lớn trong chi phí hoạt động của Công ty, đặc biệt là xăng, dầu. Chi phí nhiên liệu chiếm từ 35 – 40% trong giá vốn của Công ty. Do vậy, sự biến động của giá nhiên liệu sẽ ảnh hưởng rất lớn tới kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro từ các quy định mới về vận tải trên thế giới

Hoạt động vận tải của Vinaship phải tuân thủ các công ước quốc tế, các quy định của Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) như Solas, ISM code và Bộ luật an ninh cảng biển và tàu biển quốc tế (ISPS) có hiệu lực từ 1/7/2004. Trong các quy định về an ninh, an toàn hàng hải có nhiều thay đổi với yêu cầu ngày càng ngặt nghèo hơn, đòi hỏi các chủ tàu phải tăng cường đầu tư trang thiết bị, đào tạo sỹ quan, thuyền viên đã làm tăng chi phí hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, các quy định này lại góp phần nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Trong hoạt động của Công ty, nhiều giao dịch sử dụng đồng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán, chủ yếu là đồng USD và nguồn thu chủ yếu của Công ty cũng là ngoại tệ. Do vậy, sự biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng không lớn tới doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam là quốc gia có đường bờ biển dài. Trong chiến lược phát triển kinh tế của mình, Chính phủ Việt Nam khuyến khích phát triển kinh tế biển. Do đó, tất yếu dẫn đến hoạt động đầu tư cảng biển và thành lập các doanh nghiệp vận tải biển. Hiện nay, ngoài Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam còn có nhiều tập đoàn và doanh nghiệp khác có tham gia kinh doanh ngành vận tải biển. Các doanh nghiệp này cũng cạnh tranh quyết liệt với Vinaship. Bên cạnh đó, Công ty cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp vận tải biển quốc tế có ưu thế về công nghệ, thương hiệu và quy mô.

➤ Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, trong quá trình hoạt động của Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro như rủi ro về cháy nổ, rủi ro cướp biển, rủi ro thiên tai... Những rủi ro này nếu xảy ra có thể gây những tổn thất to lớn cho Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã và đang thực hiện mua bảo hiểm thường xuyên cho đội tàu và các hoạt động hàng hải liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời liên tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn hàng hải (ISM code) phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra.

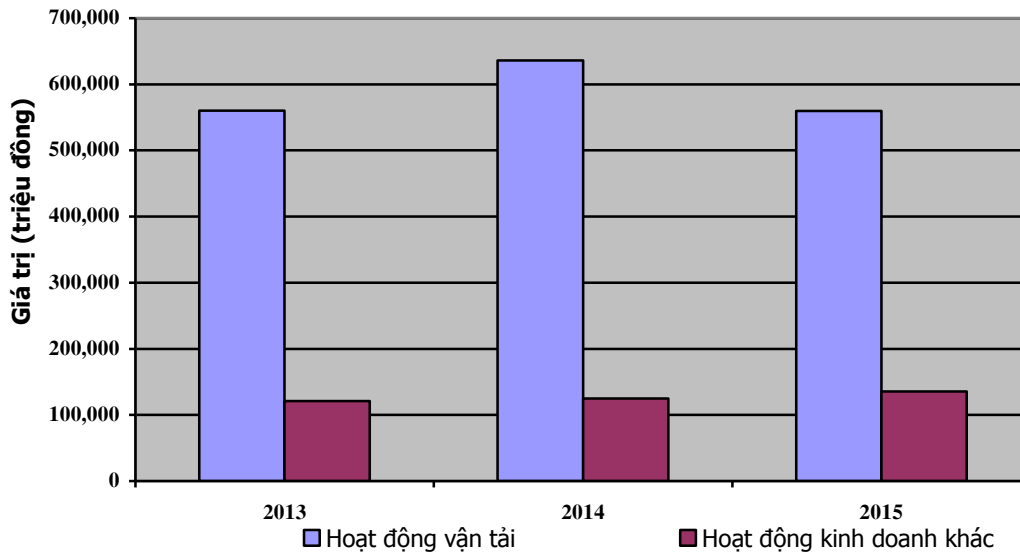
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ Giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 2: Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)
1. Hoạt động vận tải	560.419	82,23	636.010	83,59	559.855	80,51
2. Hoạt động kinh doanh khác	121.087	17,77	124.892	16,41	135.467	19,49
2.1. Dịch vụ hàng container	94.735	13,9	98.591	12,96	108.605	15,61
2.2. Dịch vụ khác	26.352	3,87	26.301	3,45	26.862	3,88
Tổng cộng	681.506	100	760.902	100	695.322	100



Biểu đồ 1: Tỷ trọng doanh thu của Công ty qua các năm

Trong năm 2015, ngành vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng vẫn gặp rất nhiều khó khăn do tình trạng tồn đọng, ùn tắc tại các cảng; chỉ số BDI đã chạm mức thấp kỷ lục 498 điểm vào cuối tháng 11; hầu hết giá cước các tàu thấp hơn chi phí khai thác khiến chủ tàu bị thua lỗ. Do bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung này nên doanh thu trong lĩnh vực vận tải biển và tỷ trọng doanh thu của hoạt động vận tải biển trong tổng doanh thu của Công ty năm 2015 là thấp nhất trong vòng 3 năm qua (80,5%). Tuy nhiên công ty đã đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khác nhằm duy trì hoạt động ổn định với mức lỗ thấp.

➤ **Nguồn nguyên vật liệu**

Dầu nhiên liệu và dầu Diesel là những nguyên liệu chính yếu Công ty sử dụng cho các phương tiện vận tải trong hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải. Nguồn cung ứng các nguyên liệu là các công ty xăng dầu trong nước. Nhìn chung lượng cung cấp nhiên liệu xăng dầu rất ổn định về số lượng và giá cả xăng dầu được thực hiện theo quy định nhà nước. Theo ước tính của Vinaship thì chi phí nhiên liệu chiếm khoảng từ 35% - 40% trong giá thành vận chuyển. Do vậy, khi giá xăng dầu có biến động, sẽ ảnh hưởng lớn tới chi phí kinh doanh và giá thành vận chuyển của Công ty.

Các yếu tố đầu vào khác như sửa chữa tàu biển, cung ứng vật tư, thiết bị hàng hải thường do các xưởng sửa chữa tàu biển chuyên nghiệp, các hãng cung ứng thiết bị, các nhà kinh doanh vật tư hàng hải trong và ngoài nước cung cấp. Nhìn chung, ngoài trừ các vật tư quý

hiếm phải đặt trực tiếp từ các nhà chế tạo nước ngoài, số còn lại đều có thể tìm kiếm trên thị trường trong nước.

➤ Chi phí sản xuất

Nhận thức rõ giá nguyên liệu có ảnh hưởng lớn tới giá cước vận tải từ đó ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty, Vinaship đã áp dụng những biện pháp kinh tế và kỹ thuật nhằm quản lý chi phí nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm. Cụ thể, Công ty xây dựng định mức tiêu hao phù hợp hơn cho từng tàu, thực hiện kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quy trình cung ứng và sử dụng nhiên liệu trên từng phương tiện so sánh và lựa chọn nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước hoặc nước ngoài tùy từng thời kỳ sao cho giá nguyên, nhiên liệu là thấp nhất. Công ty luôn cập nhật thông tin về giá xăng dầu trong khu vực và trên thế giới cũng như các nước mà Công ty có tuyến vận tải. Khi các nước có giá nhiên liệu thấp hơn Việt Nam, tàu sẽ được nạp nhiên liệu tại cảng nước đó khi cập bến và ngược lại. Nhờ những biện pháp tích cực từ phía Công ty trong việc kiểm soát chặt chẽ tác động của biến động giá dầu lên hoạt động kinh doanh, tỷ trọng chi phí nguyên, nhiên vật liệu của Công ty trong giá thành vẫn ở mức độ phù hợp.

Bảng 3: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

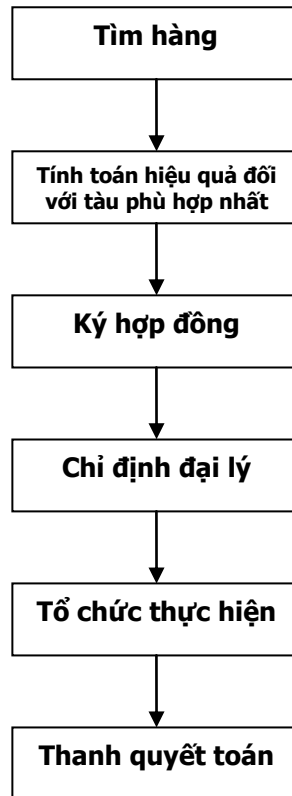
Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	679.463	99,7	701.423	92,18	642.407	92,38
Chi phí tài chính	68.541	10,06	56.339	7,4	70.433	10,13
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>58.394</i>	<i>8,57</i>	<i>47.721</i>	<i>6,27</i>	<i>38.294</i>	<i>5,5</i>
Chi phí bán hàng	16.551	2,43	14.157	1,85	10.207	1,47
Chi phí quản lý	26.780	3,93	27.408	3,6	27.539	3,96
Chi phí khác	698	0,1	430	0,05	332	0,04
Tổng chi phí	792.033	116,22	799.757	105,08	750.918	107,98
Doanh thu thuần	681.506	100	761.180	100	695.322	100

➤ Trình độ công nghệ

Quy trình cung cấp dịch vụ

Nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty thực hiện chuẩn hoá quy trình cung cấp dịch vụ đối với các loại hình dịch vụ của mình.

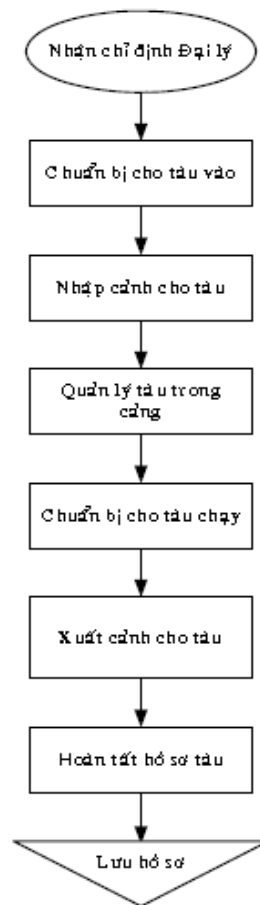
Quy trình Vận tải biển



Diễn giải:

Trong khai thác tàu, sau khi xác định được nguồn hàng, cần căn cứ vào các yêu cầu về hàng hóa, tuyến hoạt động, phương tiện dự kiến tham gia vận tải, thuyền viên ... để tính toán hiệu quả, xác định lợi nhuận theo phương án khai thác. Việc bố trí tàu cũng cần được thực hiện hợp lý đảm bảo các yêu cầu về quy phạm đăng kiểm và công ước quốc tế liên quan, đồng thời đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng về chất lượng phương tiện (thường là tuổi tàu), trọng tải, mớn nước, thuyền viên ... Việc thanh quyết toán được tiến hành căn cứ vào quy định trong hợp đồng vận tải và tuân thủ thông lệ quốc tế. Thông thường chủ tàu có quyền lưu giữ hàng hóa cho đến khi Người thuê tàu thanh toán đầy đủ cước theo quy định.

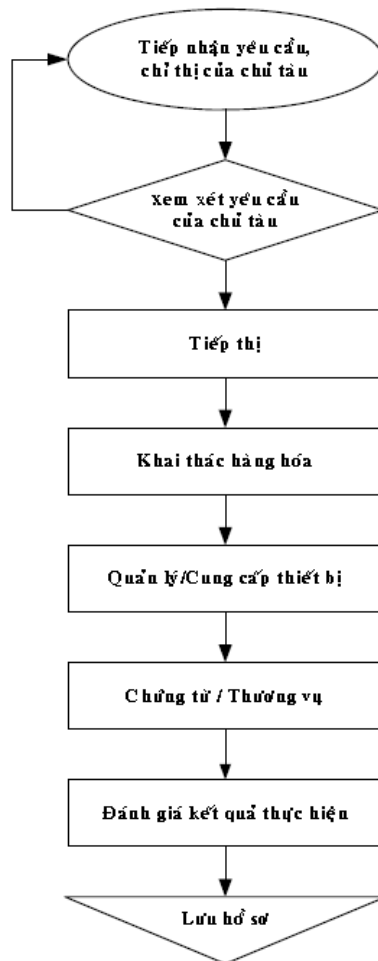
Quy trình Đại lý tàu biển:



Diễn giải:

Đại lý tàu biển có nhiệm vụ nhận các yêu cầu của chủ tàu nước ngoài về gom hàng, giao hàng và dàn xếp các công việc phục vụ tàu tại cảng trong thời gian tàu ở Việt Nam (làm thủ tục cho tàu ra vào cảng, xin hoa tiêu, xếp dỡ hàng hoá .v.v.). Đại lý tàu biển được chuyển hàng tại kho, đóng gói hàng, lưu kho, đăng ký hãng tàu (booking), làm thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hoá và các công việc khác để giao hàng tại địa điểm nhận theo yêu cầu.

Quy trình Đại lý vận tải Container:



Diễn giải:

Đại lý vận tải Container là loại hình dịch vụ đặc biệt nằm trong hệ thống vận tải Container toàn cầu và khu vực. Đại lý được các công ty vận tải nước ngoài chỉ định làm công việc điều hành hoạt động khai thác vận tải Container, phục vụ các nhà xuất nhập khẩu bằng các tàu trở Container chạy theo lịch trình và tuyến định trước. Đại lý vận tải Container nhận sự uỷ thác của hãng tàu để thu xếp nhận hàng (Booking), tìm hàng, quản lý phương tiện Container, thu xếp tàu chạy nhánh (feeder), tiến hành thủ tục thanh toán với chủ hàng . v.v.

➤ Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, Vinaship liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ

Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

➤ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng đối với toàn bộ các loại hình dịch vụ mà Công ty đang cung cấp. Việc quản lý chất lượng của Công ty do Ban An toàn đảm trách.

Chính sách chất lượng của Vinaship luôn luôn là cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tuân thủ mọi quy định của Nhà nước.

Để đạt được những điều này, Công ty cam kết:

- Giữ liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo sản phẩm dịch vụ của mình luôn thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của họ.
- Xem con người là tài sản quan trọng nhất do đó thường xuyên giáo dục, đào tạo để mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty có tinh thần tập thể, có kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện về chất lượng công việc của mình.
- Duy trì hệ thống chất lượng luôn phù hợp và có hiệu quả, phát triển sự hợp tác của mọi thành viên trong Công ty đảm bảo tuân thủ mọi yêu cầu của tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng.
- Công ty đề cao vấn đề chất lượng dịch vụ và sản phẩm, coi đó là trọng tâm hàng đầu. Vì thế, Công ty đã đề ra các biện pháp cũng như trang bị các thiết bị hiện đại ứng dụng những công nghệ quản lý tiên tiến nhằm đảm bảo các cam kết với khách hàng về chất lượng dịch vụ theo đúng các tiêu chuẩn quy định trong lĩnh vực vận chuyển giao nhận.
- Công ty cũng tổ chức các lớp học đào tạo và đào tạo lại cho các Sỹ quan thuyền viên do các chuyên gia trong và ngoài nước tập huấn, đồng thời cử các kỹ sư, cán bộ trẻ đi học và tập huấn nước ngoài để nâng cao trình độ quản lý, công tác.

➤ **Hoạt động marketing**

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Vinaship cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing, đặc biệt khi Vinaship là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề. Thực hiện tốt chính sách Marketing góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty, phân phối các sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách tốt nhất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Vinaship. Nhận thức được điều đó, gần đây, Vinaship cũng quan tâm tới việc xây dựng và quảng bá thương hiệu. Ngoài ra, mỗi phòng ban nghiệp vụ và chi nhánh của Công ty đều có bộ phận Marketing để chăm sóc khách hàng, tiếp cận tìm kiếm khách hàng mới và

khách hàng có tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty. Các Trưởng, Phó phòng ban có trách nhiệm đề ra phương hướng, kế hoạch Marketing, đồng thời kiểm tra giám sát việc thực hiện. Công việc chính của bộ phận Marketing là chào bán dịch vụ và nghiên cứu phát triển thị trường. Bao gồm:

❖ *Xác định khách hàng*

- Thực hiện nghiên cứu thị trường, giá cả, xác định tuyến vận tải mạnh, yếu của Công ty.
- Khai thác và tập hợp thông tin về các nhà xuất nhập khẩu để thực hiện khai thác.
- Thường xuyên liên lạc, thăm hỏi khách hàng, khắc phục các điểm chưa phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn.

❖ *Gặp gỡ khách hàng để xác định những yêu cầu về dịch vụ:*

- Dàn xếp những cuộc tiếp xúc với khách hàng để tìm ra những yêu cầu của họ về dịch vụ như: cước phí, thời gian vận chuyển, cảng đến và những yêu cầu đặc biệt của khách hàng cũng như về chứng từ.
- Xem lại các yêu cầu của khách hàng có phù hợp với chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty hay không và chuẩn bị những đề xuất chào bán dịch vụ bao gồm thông tin về nơi nhận hàng, cảng đích, điều khoản mua bán, cước phí, các phụ phí, ngày có hiệu lực, loại hình vận chuyển, tuyến đường, thời gian vận chuyển.

❖ *Chào giá*

- Đàm phán với khách hàng dựa trên tình hình thực tế thị trường, đồng thời luôn xem xét đến yếu tố hợp tác lâu dài đối với khách hàng truyền thống.

❖ *Chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty:*

- Khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công trong kinh doanh của Công ty.
- Không ngừng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ với giá cạnh tranh bằng cách:
 - Thao tác nghiệp vụ nhanh chóng, chính xác và an toàn.
 - Làm đúng ngay từ đầu.
 - Giao hàng đúng hẹn.
 - Đối với khách hàng là nhà sản xuất (Chủ hàng): tiếp cận, theo dõi, khuyến khích dựa trên chính sách của các hãng tàu.
 - Đối với khách hàng là các hãng tàu: bám sát khâu nước ngoài và dành nhiều chính sách ưu đãi.

➤ **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu Vinaship đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Mẫu nhãn hiệu:



Bộ nhãn hiệu của công ty được đăng ký và bảo vệ theo Quyết định số 17715/QĐ-SHTT ngày 18/8/2009. Thời hạn bảo hộ nhãn hiệu: 10 năm kể từ ngày nộp đơn (30/5/2008)

Các dấu hiệu nhận dạng thương hiệu:

- Màu sắc nhãn hiệu: Xanh lam, trắng, đen
- Loại nhãn hiệu: Thông thường
- Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng

Danh mục các sản phẩm, dịch vụ được mang nhãn hiệu của Công ty:

- Nhóm 35: Mua bán công ten nơ, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ tuyển dụng và xuất khẩu lao động, đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa
- Nhóm 36: Dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ cho thuê văn phòng
- Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa tàu biển
- Nhóm 39: Dịch vụ vận tải biển, đại lý tàu biển; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ bảo quản và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

➤ **Danh sách Ban điều hành**

Ban Giám đốc điều hành hiện nay của Công ty gồm có năm (04) thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc. Ban giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thành viên Ban điều hành Công ty

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
TGD	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529
Phó TGD	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647
Phó TGD	Trần Dũng Chiến	22/02/1962	030188207
Phó TGD	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031065889

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành

1) Ông Vương Ngọc Sơn

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 23/7/1961
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 031288529 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 9/24 Lê Quỳnh, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986-1996	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
1997	Công ty Vận tải biển III	Học nghiệp vụ
1998 – 2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng
2007 – 4/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng, ủy viên HĐQT
4/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 77.390 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 2.800.000 cổ phần (14% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ	3.100	0,0155
2	Vương Minh Hải	Em	1.300	0,0065

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Nguyễn Quang Duy

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/6/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030633647 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7/200, Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
7/1987 – 2/1989	Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô	Thợ máy dưới tàu
3/1989 – 6/1996	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
7/1996 – 11/2003	Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Sỹ quan máy
12/2003 – 1/2006	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ kỹ thuật tại phòng Khoa học kỹ thuật
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng Khoa

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
		học kỹ thuật
1/2007 – 6/2009	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó trưởng phòng Vật tư
6/2009 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.600 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 1.800.000 cổ phần (9% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Hương Duyên	Vợ	11.000	0,06
2	Nguyễn Quang Sơn	Con	15.000	0,075

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Trần Dũng Chiến

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/02/1962

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030188207 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7b/136 Nguyễn Đức Cảnh, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
5/1985 – 3/1998	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
4/1998 – 3/2000	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh
4/2000 – 6/2002	Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại	Phó Giám đốc
6/2002 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
7/2006 – 7/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng Kinh doanh
7/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác:

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.300 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4) Ông Dương Ngọc Tú

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 20/10/1976

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031065889 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 74/261 Trần Nguyên Hãn, Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
8/1999 -6/ 2006	Công ty vận tải biển III	Cán bộ

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
7/2006 – 12/2006	Công ty vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – 2008	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng phụ trách p.Đầu tư – phát triển đội tàu
2008 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng Đầu tư – Đối ngoại
2012 – 7/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng p.Đầu tư đối ngoại, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container
7/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 82.000 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thu Hằng	Vợ	6.730	0,034

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên VINASHIP luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2015, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 913 người

Bảng 4 : Bảng kê tình hình lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2015
Đơn vị tính : Người

Yếu tố	31/12/2014	31/12/2015
• Số lượng nhân viên	969	913
• Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.019.000	7.975.000
Phân theo trình độ chuyên môn		
• Đại học và Trên đại học	361	340
• Cao đẳng, Trung cấp, PTTH, Sơ cấp	608	573
Phân theo thời hạn hợp đồng		
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GĐ, PGĐ, KTT,CT Cđoàn)	-	-
• Hợp đồng không xác định thời hạn	921	678
• Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	3	181
• Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	45	54

✦ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp
- Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng hải. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập

- Chính sách lương

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

- Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

- Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết, cụ thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, cưới hỏi, ngày lễ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9)
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty tham gia lực lượng vũ trang nhân ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm

- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ Tình hình đầu tư

❖ Đầu tư phương tiện năm 2015

Trong năm 2015, Công ty đã bán thành công 01 tàu Hà Nam. Đây là tàu đã già, có trang thiết bị lạc hậu, chi phí duy tu bảo dưỡng lớn. Ngoài ra trong tình hình nguồn hàng khan hiếm, tàu phải chờ hàng trong một số thời điểm dẫn đến khai thác không hiệu quả. Việc bán tàu đã làm giảm lỗ, đem lại lợi nhuận, đồng thời bổ sung nguồn vốn lưu động đang thiếu của Công ty.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Bảng 5: Tình hình tài chính Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.201.148.864.467	1.055.937.184.571	-12,09%
Doanh thu thuần	761.180.381.750	695.322.884.393	-8,65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(35.201.571.424)	(53.664.532.301)	52,45%
Lợi nhuận khác	38.571.087.194	13.958.131.345	-63,81%
Lợi nhuận trước thuế	3.369.515.770	(39.706.400.956)	-1278,75%
Lợi nhuận sau thuế	3.369.515.770	(39.706.400.956)	-1278,75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	168		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	0,59	0,54	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSNH – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,44	0,43	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,82	0,83	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,61	4,5	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	13,00	19,33	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0,65	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,002	-0,057	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,007	-0,225	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,001	-0,037	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,05	-0,07	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

➤ Cổ phần

Mã chứng khoán:	VNA
Tổng số cổ phần đang lưu hành:	20.000.000 cổ phần
Tổng số cổ phần niêm yết:	20.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	20.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

➤ Các dữ liệu thống kê về cổ đông

❖ Cổ đông trong nước

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 18/4/2014		Tại ngày 15/4/2015	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	10.446.790	52,23	10.270.000	51,35
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	10.200.000	51	10.200.000	51
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	246.790	1,23	70.000	0,35
2	Cổ đông cá nhân	9.406.620	45,74	9.176.870	45,88

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội	0106000600	10.200.000	51

❖ Cổ đông nước ngoài

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 15/4/2014		Tại ngày 02/4/2015	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	329.860	1,65	276.030	1,38
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	329.860	1,65	276.030	1,38
2	Cổ đông cá nhân	76.960	0,38	277.100	1,39

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000	0	0	200.000.000.000

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ Những thuận lợi, khó khăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 của Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

❖ Thuận lợi

- Nền kinh tế Việt Nam trong năm có nhiều khởi sắc, kéo theo nhu cầu vận chuyển xuất nhập khẩu và nội địa tăng lên nhất là với nhóm hàng nguyên liệu thô như tan, clinker, thạch cao, hàng nông sản và phân bón. Trong bối cảnh thị trường vận tải hàng khô quốc tế và trong khu vực tương đối ảm đạm, cạnh tranh gay gắt thì vận chuyển nội địa và xuất khẩu trong ngắn hạn là phân khúc thị trường khá hiệu quả đối với đội tàu biển trong nước.

- Giá nhiên liệu hàng hải trên thị trường quốc tế giảm sâu và duy trì ở mức thấp đã giúp công ty giảm áp lực về chi phí nhiên liệu, đồng thời phần nào giúp tăng hiệu quả khai thác đối với những chuyến có chặng chạy rỗng tương đối dài.

- Sau khi công ty bán thành công tàu Hà Nam vào tháng 7/2015, ngoài vấn đề cắt lỗ từ hoạt động kinh doanh không hiệu quả của tàu này, công ty có thêm nguồn tài chính dự phòng sẵn sàng bổ sung cho các hoạt động SXKD và đầu tư của công ty khi cần thiết.

- Sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT, ban giám đốc, đội ngũ cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chuyên môn, giữa khối quản lý và phương tiện.

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thông qua những người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

❖ **Khó khăn**

Khó khăn khách quan

- Trong năm 2015, nguồn hàng vận chuyển hầu như ít có cải thiện. Tại thị trường công ty khai thác truyền thống là Đông Nam Á, mặt hàng gạo xuất khẩu từ Việt Nam đi một số thị trường truyền thống như Malaysia hầu như rất nhỏ, nguồn hàng gạo xuất đi Philippines và Indonesia sản lượng trong 9 tháng đầu năm khá thấp và chỉ tập trung mạnh vào quý 4. Do chân hàng chủ lực giảm và nhiều thời điểm gián đoạn, đội tàu công ty phải chuyển hướng khai thác sang các nhóm hàng kém hiệu quả hơn.

- Nhìn lại thị trường tàu hàng khô thế giới trong năm 2015, giá cước vận tải biển mặc dù có thời điểm giữa năm phục hồi đáng kể nhưng nhìn chung phần lớn thời gian vẫn ở mức thấp, đặc biệt tại thời điểm quý 4 giá cước tàu hàng khô thế giới liên tục phá đáy. Với phân khúc thị trường tàu chuyển mà đội tàu công ty tham gia, ngoài mặt hàng gạo Việt Nam xuất khẩu giá cước tương đối ổn định, các nhóm hàng sản lượng lớn khác như rock phosphate và phụ gia liên tục giảm giá cước do tác động của giá dầu thô thế giới.

- Tốc độ giải phóng hàng tại một số đầu bến Philippines, Indonesia còn nhiều hạn chế do mật độ tàu đến những cảng của khu vực này đông đột biến, vượt quá khả năng tiếp nhận của các chủ hàng, dẫn đến tình trạng tắc nghẽn cầu bến, thời gian chờ giải phóng hàng kéo dài trung bình từ 15-30 ngày/chuyến dẫn đến nhiều hệ lụy đối với tình trạng kỹ thuật vỏ tàu và gây khó khăn cho công tác bố trí chân hàng kế tiếp.

- Do ảnh hưởng của việc phá giá đồng nhân dân tệ, nhiều đồng tiền trong khu vực cũng chịu sức ép phá giá làm ảnh hưởng đến giao thương nội vùng. Tỷ giá hối đoái đồng Việt Nam và đô la Mỹ trong kỳ tiếp tục biến động mạnh kéo theo khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tăng gần 3 lần dự kiến từ đầu năm của công ty, cộng thêm các phần trả lãi vay (ngắn và trung hạn) ngân hàng vẫn ở mức cao nên tổng chi phí hoạt động tài chính năm 2015 của công ty (70,3 tỷ đồng) vẫn là gánh nặng lớn lên hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khó khăn chủ quan

- Sau khi bán thanh lý tàu Hà Nam vào tháng 7/2015, đội tàu công ty chỉ còn 10 chiếc với tổng trọng tải 169.096 DWT. Tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất là

27.841 DWT, tuổi bình quân của đội tàu là 19,5 tuổi trong đó có 4 tàu trên 20 tuổi. Với tuổi bình quân tương đối cao, trọng tải nhỏ nên phát sinh chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hiểm và hạn chế khả năng cạnh tranh.

- Tàu khai thác định hạn ở những tuyến xa, khả năng cung ứng vật tư trang thiết bị, sửa chữa, bảo dưỡng, duy trì trạng thái tàu, ngăn ngừa để phòng sự cố còn nhiều bất cập dẫn đến việc phát sinh hư hỏng, sự cố kỹ thuật, giảm tốc độ làm ảnh hưởng đến ngày tàu tốt, phát sinh khấu trừ tiền thuê từ người thuê định hạn.

- Thị trường dịch vụ vận tải gặp không ít khó khăn vì biến động theo thị trường vận tải và ngành sản xuất, mức độ cạnh tranh trong thị trường dịch vụ vận tải nội địa là rất cao do có quá nhiều đơn vị tham gia và cạnh tranh giành giật khách hàng bằng phương thức hạ giá cước thay vì chất lượng dịch vụ. Quy mô dịch vụ vận tải của công ty tuy đã có nhiều cải thiện nhưng cơ bản vẫn còn khiêm tốn, lợi thế cạnh tranh ở một số tuyến vận chuyển nội địa thấp do phải cạnh tranh trực tiếp với một số đơn vị trực thuộc hãng tàu container hoặc có lợi thế về chuỗi logistics (kho bãi, phương tiện vận tải).

➤ **Các giải pháp đã áp dụng**

❖ **Khai thác vận tải biển**

Trước bối cảnh thị trường cho thuê định hạn ngày càng suy giảm, công ty đã lần lượt rút 3/4 tàu cho thuê định hạn nước ngoài về khai thác ở thị trường nội địa và kết hợp vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, tạm thời điều chuyển các tàu chuyên tuyến sang chạy tạm một số chuyến hàng lân cận để sẵn sàng cơ hội quay lại tuyến khi có điều kiện. Bên cạnh đó, công ty rút một số tàu khỏi tuyến khai thác kém hiệu quả và tập trung vào những nhóm hàng có năng suất xếp dỡ tốt để tăng năng suất quay vòng phương tiện.

❖ **Quản lý kỹ thuật, sửa chữa**

Phòng KHKT đã chỉ đạo đảm bảo duy trì lực lượng sửa chữa ở các đầu bến, cũng như tổ chức một số đội cơ động đi công tác tại các cảng nước ngoài để phục vụ việc sửa chữa và khắc phục sự cố đột xuất cũng như định kỳ của các tàu. Hướng dẫn và tư vấn kỹ thuật từ xa cho các phương tiện xử lý sự cố cũng như thực hiện các thông báo kỹ thuật, quy định mới của cơ quan phân cấp và IMO.

Phòng đã tổ chức và theo dõi sát sao công tác sửa chữa định kỳ trên đà cho tàu Vinaship Ocean và tàu Vinaship Sea đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên trong quá trình sửa chữa khi tàu vào đà thời gian bị kéo dài (cụ thể tàu Vinaship Ocean 4 ngày, tàu Vinaship Sea 6 ngày) nguyên nhân do thời tiết cũng như tay nghề công nhân nhà máy còn hạn chế. Ngoài ra, phòng cũng nhanh chóng giải quyết các sự cố khác một cách hiệu quả như: sửa vỏ tàu Mỹ An,

sự cố chân vịt tàu Hà Nam, cầu số 1 tàu Vinaship Gold...

❖ **Quản lý an toàn, ngăn ngừa rủi ro**

Công ty đôn đốc ý thức tuân thủ chức trách thuyền viên duy trì và tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng để giảm chi phí sửa chữa, ngăn ngừa tổn thất. Trong điều kiện kinh doanh khó khăn và giá nhiên liệu tăng cao như hiện nay, cùng với việc tăng cường công tác giám sát nhận nhiên liệu, vật tư tại các đầu bến, Công ty sẽ cử cán bộ kỹ thuật đi theo tàu để rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư và cải thiện tình trạng kỹ thuật, tốc độ của tàu. Tổng chi phí nhiên liệu của năm 2015 của đội tàu Công ty là 126.714.531.169 VNĐ chiếm 93,89% so với kế hoạch năm 2015, FO = 11.176 tấn, DO = 2.301 tấn. Lượng dầu nhờn tiêu hao của đội tàu trong năm 2015 là 420.527 lít, tổng chi phí dầu nhờn là 30.956.887.200 VNĐ.

Trong điều kiện khó khăn chung hiện nay, các tranh chấp liên quan đến giao nhận hàng hóa, chất lượng hàng hóa vận chuyển, chất lượng vật tư, nhiên liệu cung ứng, cước vận tải ... là rất dễ xảy ra. Công ty đã có các biện pháp quản lý sát sao nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh, cụ thể: nâng cao trình độ và sự cẩn cán của cán bộ thương vụ; nâng cao trình độ, ý thức thuyền viên; có các điều khoản chặt chẽ hơn để ràng buộc trách nhiệm các nhà cung cấp ...

❖ **Dịch vụ hàng hải**

Công ty đẩy mạnh hoạt động khai thác hàng hóa, hoạt động đại lý, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi và hàng container. Đồng thời duy trì mối quan hệ, tạo dựng uy tín với khách hàng, tăng cường đôn đốc, kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, song hành với chính sách điều chỉnh giá cước linh hoạt, nhạy bén giám sát thị trường nhất là với nhóm khách hàng truyền thống.

❖ **Công tác nhân sự, thuyền viên**

Công ty chủ trương xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng và có kế hoạch từng bước nâng cao chất lượng thuyền viên, đặc biệt là các sỹ quan quản lý bằng các chương trình cập nhật, huấn luyện sát với thực tiễn sản xuất và yêu cầu khách hàng cũng như yêu cầu của các Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.

❖ **Chính sách với người lao động**

Công ty tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

❖ **Các chỉ tiêu sản xuất chính**

Do những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, giá cước biển đang thấp hơn giá thành vận tải dẫn tới thua lỗ, thậm chí phá sản của nhiều doanh nghiệp trong nước và thế giới. Mặc dù HĐQT, Ban điều hành Công ty đã có nhiều biện pháp quản trị, điều hành sát sao và có hiệu quả nhưng cũng chỉ có thể giảm được 1 phần số lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Tóm tắt các chỉ tiêu SXKD chính cụ thể như sau:

Bảng 7: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2015	KH năm 2015 thông qua tại ĐHCĐ	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
1	Sản lượng vận tải	tấn	1.846.736	2.100.000	87,94%
2	Tổng doanh thu	đồng	695.322.884.393	645.000.000.000	107,8%
	+ Vận tải	-	549.988.545.481	515.000.000.000	106,8%
	+ Dịch vụ & khác	-	125.013.424.297	130.000.000.000	96,16%
3	Lợi nhuận trước thuế	-	(39.706.400.956)	(60.000.000.000)	66,18%
4	Nộp ngân sách	-	-	-	-
5	Đầu tư tàu biển	tàu	Bán 01 tàu	Bán 01 tàu	-

❖ Hoạt động dịch vụ

Hoạt động dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ, Xí nghiệp dịch vụ vận tải và Ban Quản lý và khai thác bãi container trong năm 2015 cũng gặp nhiều khó khăn do thị trường vận tải nội địa bất bình hành giữa 2 miền Nam-Bắc; giá nhiên liệu nhiều lần thay đổi khiến giá cước dịch vụ phải liên tục điều chỉnh; áp lực bởi nhiều bãi container quy mô lớn, đầu tư thiết bị hiện đại được mở ra và các hàng tàu có chính sách ký hợp đồng với nhiều bãi container hậu phương khác. Kết quả sản xuất kinh doanh khối dịch vụ năm 2015 chi tiết như sau:

TT	Chỉ tiêu	Xí nghiệp Dịch vụ vận tải	Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ	Ban Quản lý và khai thác bãi Container
1	Sản lượng (T)	11.493		
2	Doanh thu (VNĐ)	97.230.000.000	18.942.836.095	8.840.594.434
3	Lợi nhuận (VNĐ)	1.521.000.000	309.417.436	64.236.722

Hiệu quả từ hoạt động của khối dịch vụ tuy không lớn nhưng cũng giúp giảm bớt khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh vận tải biển của Công ty trong năm 2015.

❖ Hoạt động đầu tư

Do thị trường chưa thuận lợi và đang khó khăn về vốn, trong năm 2015, Công ty cũng đã tiến hành giao dịch ký hợp đồng và bán thành công 01 tàu già cũ khai thác không hiệu quả là tàu Hà Nam trọng tải 6.500 DWT đóng năm 1985 tại Nhật Bản.

❖ Tình hình tài chính

Mặc dù Công ty trong tình trạng thiếu vốn lưu động tuy nhiên vẫn đảm bảo thanh toán kịp thời các chi phí đến hạn, đặc biệt ưu tiên thanh toán chi phí nhiên liệu, vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất được duy trì ổn định.

Tổng dư nợ (dài hạn và ngắn hạn) tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng tính đến 31/12/2015 là 879.868.585.185 đồng.

❖ Công tác tiền lương

Tổng số lao động toàn công ty tính đến hết ngày 31/12/2015 là 913 người, trong đó khối tàu 607 người, khối phòng ban chi nhánh, các xí nghiệp là 306 người. Mặc dù vẫn trong tình trạng khó khăn trong kinh doanh vận tải biển, công ty đã cố gắng thực hiện chi trả lương, trích nộp bảo hiểm cho người lao động đầy đủ, đúng hạn. Với đơn giá tiền lương 110 đồng/1000 doanh thu, tổng chi lương năm 2015 là 59.160.000 đồng, dự phòng 1.100.000.000 đồng. Lương bình quân người lao động toàn công ty đạt 7.975.000 đồng/người/tháng. Trong đó khối phương tiện là 14.623.000 đồng/người/tháng, khối văn phòng 8.190.000 đồng/người/tháng.

Về công tác đào tạo, huấn luyện, công ty đã tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 40 sỹ quan vận hành (boong, máy) và 16 sỹ quan quản lý, mở lớp cao đẳng điện tàu thủy cho 11 người, đào tạo tiếng Anh cho 45 thuyền viên chuẩn bị cho công tác xuất khẩu thuyền viên.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
<i>1. Bố trí cơ cấu tài sản</i>	Lần		
+ Tài sản cố định/Tổng tài sản		0,81	0,83
+ Tài sản lưu động/Tổng tài sản		0,18	0,16

2. Khả năng thanh toán	Lần		
+ Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Khả năng thanh toán hiện hành)		0,82	0,83
+ <u>Tài sản lưu động – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn (Khả năng thanh toán nhanh)		0,44	0,43
+ Khả năng thanh toán bằng tiền Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn		0,04	0,13
3. Tỷ suất lợi nhuận	%		
+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		0,002	-0,06
+ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		0,001	-0,04
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ		0,008	-0,2

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016

Thị trường tàu hàng khô thế giới ngay từ đầu năm 2016 đã có nhiều diễn biến xấu, bất lợi cho hoạt động kinh doanh vận tải biển. Chỉ số giá cước tàu hàng khô BDI liên tục phá đáy và tiến dần về mức thấp kỷ lục 320 điểm. Ở phân khúc thị trường mà công ty hiện đang tham gia, lượng hàng gạo chủ chốt vận chuyển cho Vinafood đi Indonesia dự kiến chỉ đến hết quý I, sau đó khả năng sẽ có chân hàng đi Philippines tuy nhiên giá cước biển chắc chắn sẽ giảm sâu hơn năm 2015. Các chân vận chuyển khác xuất hiện vào những tháng đầu năm rất ít. Để có thể duy trì hoạt động kinh doanh có hiệu quả, công ty sẽ tiếp tục khai thác tại các tuyến trong khu vực và chở thuê, thực hiện vận chuyển các mặt hàng truyền thống như than đá, nông sản...

Công ty tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn cả nội tại và khách quan bên ngoài. Trong năm 2016, đội tàu Công ty sẽ có từ 5 tàu lên đà sửa chữa định kỳ, điều này ảnh hưởng lớn đến thời gian vận doanh của đội tàu. Nguồn vốn lưu động vẫn tiếp tục đi huy động từ nguồn vay ngắn hạn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng để duy trì thanh khoản cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

Với dự kiến tình hình thị trường, nguồn hàng và năng lực đội tàu như trên, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2016 như sau:

- Tổng trọng tải: 168.641 DWT/ 10 chiếc
- Sản lượng: 1.700.000 tấn
- Doanh thu: 630.000.000.000 đồng

Trong đó: + Doanh thu vận tải: 480.000.000.000 đồng

+ Doanh thu khác: 150.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: (49.100.000.000) đồng
- Nộp ngân sách 100% theo quy định;
- Đầu tư mua 01 tàu đã qua sử dụng nếu điều kiện thuận lợi

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

➤ Kinh doanh, khai thác

Công ty tiếp tục tập trung vào việc ký kết các COA có khối lượng lớn, hợp đồng dài hạn, các dự án vận chuyển cho các nhà máy nhiệt điện, xi măng nhằm thiết lập chân hàng ổn định cho đội tàu. Bên cạnh đó phải duy trì nguồn hàng truyền thống và khai thác khi có điều kiện. Mở rộng các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong các lĩnh vực đại lý, môi giới, dịch vụ vận tải biển, dịch vụ kho bãi, forwarding theo hướng kết hợp các thế mạnh hiện có để tăng tính cạnh tranh.

Tăng cường công tác giải phóng tàu để rút ngắn thời gian xếp dỡ, thời gian quay vòng chuyển đi, giảm chi phí ngày tàu và nhằm tăng doanh thu, hiệu quả cho đội tàu.

➤ Quản lý kỹ thuật, vật tư

Công ty sẽ tăng cường công tác bảo quản bảo dưỡng để giảm thiểu các hư hỏng đột xuất đối với các tàu, đặc biệt là các tàu lớn, hoạt động trên tuyến xa và cho thuê định hạn.

Tiến hành rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư đối với tất cả các tàu, kiểm soát chặt chẽ tốc độ chạy tàu nhằm tránh thất thoát về nhiên liệu.

➤ Dịch vụ

Dịch vụ là lĩnh vực hoạt động có hiệu quả trong năm 2014, tuy nhiên mức lợi nhuận chưa đạt mức kỳ vọng. Trong năm 2015, Công ty sẽ tập trung các biện pháp khai thác, quản lý để nâng cao hiệu quả dịch vụ forwarding, khai thác bãi container ...

➤ Công tác nhân sự, thuyền viên

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, tốt về chất lượng nên sẽ có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại phù hợp với thực tiễn sản xuất và

yêu cầu của Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Đồng thời, Công ty sẽ tập trung nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.

➤ **Công tác khác**

Nếu thị trường có chuyển biến tích cực, Công ty sẽ tính toán phương án bán một số tàu cũ khai thác không hiệu quả đồng thời tăng cường cho thuê định hạn một số tàu sẽ giảm áp lực về vốn và mức lỗ do các tàu cũ sẽ làm giảm mức phải trả lãi vay và tạo điều kiện cải thiện nguồn vốn.

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2015

➤ **Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2015**

Năm 2015 - Năm có ý nghĩa to lớn và quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 đã khép lại. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của năm 2015 là cơ sở và động lực cho việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, năm đầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Kinh tế - xã hội năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Triển vọng kinh tế khu vực Eurozone chưa thật lạc quan. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu. Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ và tăng trưởng sụt giảm của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh tới kinh tế thế giới. Ở trong nước, giá cả trên thị trường thế giới biến động, nhất là giá dầu giảm gây áp lực đến cân đối ngân sách Nhà nước, nhưng đồng thời là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng. Trong nước, sản xuất, kinh doanh tiếp tục phục hồi. Khu vực doanh nghiệp có chuyển biến tích cực, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đầu tư tư nhân và tiêu dùng phục hồi khá.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, trong đó quý I tăng 6,12%; quý II tăng 6,47%; quý III tăng 6,87%; quý IV tăng 7,01%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét.

Ổn định vĩ mô được duy trì. Lạm phát thấp và ổn định. Lạm phát thấp do giá hàng hóa thế giới và chi phí sụt giảm. Tổng thu ngân sách nhà nước dự báo vẫn đạt và vượt dự toán nhờ nguồn thu nội địa bù đắp cho thu từ dầu thô.

Hệ thống tài chính ổn định, thanh khoản tốt đối với cả đồng nội và ngoại tệ, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn chuyển dịch tích cực, trích lập DPRR tăng. Thị trường cổ phiếu ổn định, thanh khoản tốt. Phát hành TPCP có nhiều chuyển biến tích cực trong tháng 11 nhờ đa dạng hóa kỳ hạn trái phiếu và điều chỉnh lợi suất trái phiếu phù hợp.

➤ **Tình hình ngành vận tải biển**

Ngành vận tải biển Việt Nam đã phát triển với tốc độ quá nhanh trong những năm qua cả về số lượng tàu, trọng tải tàu và cả về các doanh nghiệp quản lý khai thác vận tải biển, nhưng lại manh mún và phân tán. Sự phát triển quá nóng và phân tán này đã và đang làm cho vận tải biển Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức. Đó là sự dư thừa trọng tải tàu đối với các tàu có trọng tải nhỏ chở hàng khô rời kể cả các tàu chở container trong khi lại thiếu các loại tàu chuyên dùng và tàu có trọng tải lớn. Hàng hóa ít, tàu nhỏ nhiều, các chủ tàu cạnh tranh nhau bằng cách giảm giá cước, chấp nhận cho thanh toán chậm ... , việc này đã khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam ngày càng khó khăn thêm, luôn bị các chủ hàng o ép. Ngoài ra, các chủ tàu Việt Nam luôn trong tình trạng khát vốn nghiêm trọng và gặp khó khăn trong việc tìm nguồn nhân lực có năng lực thực sự và có tâm huyết với Ngành, với nghề, kể cả nguồn nhân lực làm công tác quản lý khai thác tàu trong các doanh nghiệp và cả sỹ quan thuyền viên làm việc trên tàu. Một thách thức không nhỏ nữa mà các chủ tàu Việt Nam đang phải đối mặt đó là hàng loạt các công ước quốc tế về hàng hải đã và sẽ có hiệu lực trong tương lai gần như các Phụ lục 3/4/5/6 Công ước MARPOL 73/78; Công ước kiểm soát hệ thống sơn chống hà độc hại 2001 (AFS 2001); Công ước kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn ballast của tàu năm 2004 (BWM 2004); Công ước Lao động hàng hải 2006 (MLC 2006)... Điều này đòi hỏi các chủ tàu phải tăng cường duy tu bảo dưỡng tàu, đầu tư trang thiết bị bổ sung nhằm đáp ứng các yêu cầu của các công ước, dù Việt Nam tham gia hay chưa tham gia các công ước này bởi: tàu của bất kỳ quốc gia nào khi vào cảng của quốc gia đã phê chuẩn công ước đều phải tuân thủ đầy đủ các quy định của công ước.

➤ **Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2015**

Trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, nguồn hàng hóa chuyên chở trở nên khan hiếm, giá cước liên tục sụt giảm, giá nguyên nhiên liệu không ổn định cùng với sự cạnh tranh của rất nhiều các công ty vận tải biển khác trong nước, trong khu vực và trên thế giới, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 vừa qua gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và nỗ lực phấn đấu để đảm bảo nguồn hàng cho đội tàu, tiết giảm chi phí tối đa để giảm lỗ tới mức thấp nhất và giữ doanh nghiệp ổn định:

- Tổng doanh thu: 695.322.884.393 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: (39.706.400.956) đồng
- Nộp ngân sách 100% theo quy định Nhà nước
- Bảo đảm được mức lương của CBCNV và thuyền viên theo mặt bằng chung của ngành.

Bảng 8 : Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2015

Tài sản (đồng)			Nguồn vốn (đồng)		
Chỉ tiêu	31/12/2015	01/01/2015	Chỉ tiêu	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản ngắn hạn	173.239.077.031	219.427.951.783	Nợ phải trả	879.868.585.185	985.373.864.125
Tài sản dài hạn	882.698.107.540	981.720.912.684	Vốn CSH	176.068.599.386	215.775.000.342
Tổng cộng	1.055.937.184.571	1.201.148.864.467	Tổng cộng	1.055.937.184.571	1.201.148.864.467

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2015

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị đột xuất. Kết thúc năm 2015, Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc về cơ bản đã thực hiện với nỗ lực và quyết tâm cao các Nghị quyết và quyết định do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2016

➤ Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới

2016 sẽ là năm có rất nhiều sự kiện đáng chú ý. Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) có khả năng được Quốc hội 12 nước thành viên thông qua. Mỹ sẽ bầu cử Tổng thống, Olympic mùa hè diễn ra ở Brazil, Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm mới. Sự kiện lớn nhất trong tất cả có lẽ là cuộc trưng cầu dân ý tại Anh về việc có nên tiếp tục là thành viên Liên

minh châu Âu (EU) hay không. Trong Báo cáo triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu công bố vào tháng 10/2015, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nhận xét: "Kinh tế thế giới trong năm tới sẽ lạc quan hơn với kỳ vọng tăng trưởng trung bình trong dài hạn, nhưng quay trở lại thời kỳ tăng trưởng mạnh mẽ và đồng bộ là rất khó khăn". Quỹ này đưa ra con số dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu tăng trưởng 3,6%, cao hơn so với 3,1% năm nay và tương đương trung bình 3,5% giai đoạn 1980-2014. Viễn cảnh chung cho năm tới là Trung Quốc sẽ tiếp tục xuống dốc. Kinh tế Mỹ tiếp tục dẫn đầu trong nhóm nước giàu có. Ngoài ra, khi nhu cầu thế giới còn yếu, lãi suất, giá dầu và các hàng hóa khác có khả năng vẫn duy trì ở mức thấp. Lãnh đạo các ngân hàng trung ương Mỹ, châu Âu và Nhật Bản sẽ là tâm điểm chú ý năm tới.

Biến số quan trọng nhất năm 2016 chính là Trung Quốc. Tăng trưởng nước này đã xuống dưới 7% trong quý III năm nay, lần đầu tiên từ sau khủng hoảng tài chính 2008. IMF dự báo năm tới, nền kinh tế lớn nhì thế giới sẽ chỉ tăng trưởng 6,3%, thấp hơn so với 6,8% năm nay. Con số này có thể chấp nhận được, dù vẫn dưới mục tiêu các lãnh đạo nước này đặt ra.

Kinh tế châu Âu và Nhật Bản năm tới được dự báo yếu hơn. Không như Mỹ – tăng trưởng chậm mà chắc từ sau 2009, cả hai nền kinh tế trên đều đang đi lùi. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) có thể giảm thêm lãi suất và Ngân hàng Trung ương Nhật Bản cũng đã sẵn sàng mua thêm trái phiếu để hạ lãi suất dài hạn. 2016 cũng sẽ là năm không mấy dễ chịu với Brazil và Nga. Brazil đang trải qua khủng hoảng chính trị và bị ảnh hưởng bởi giá dầu. Nga cũng đang chịu hàng loạt lệnh trừng phạt kinh tế và hụt thu ngân sách từ giá dầu giảm. IMF dự báo cả hai nền kinh tế này tiếp tục đi xuống năm 2016, nhưng tốc độ sẽ chậm lại.

Giá dầu rẻ cũng là một trong những yếu tố được quan tâm năm tới. Giá thấp khiến các nước xuất khẩu bị ảnh hưởng, như Nga hay các thành viên Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC). Tuy nhiên, nó lại giúp các nước nhập khẩu đang phát triển ở Mỹ Latin, châu Phi, châu Á. Dầu rẻ cũng giúp giảm chi phí nhiên liệu tại nhiều quốc gia.

Tác động đến Việt Nam

Theo nhận định của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, năm 2016 sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Trước hết, tăng trưởng kinh tế thế giới cao hơn, kinh tế vĩ mô trong nước ổn định, cơ hội từ việc ký kết TPP sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài. Hơn nữa TPP cũng sẽ tạo sức ép buộc Việt Nam phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cơ cấu lại nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao tính minh bạch trong quản lý nhà nước, từ đó nâng cao năng suất nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Bên cạnh đó việc thực hiện triển khai các luật mới liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh như Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư sửa

đổi...sẽ tiếp tục củng cố niềm tin kinh doanh, cải thiện năng suất tổng hợp cho nền kinh tế.

Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia cũng dự báo, xuất khẩu của Việt Nam năm 2016 sẽ tăng trưởng cao hơn so với năm 2015 nhờ kinh tế và thương mại thế giới được dự báo tăng trưởng cao hơn. Trong khi đó, các hiệp định thương mại có hiệu lực trong năm 2016 giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là đối với mặt hàng dệt may, giày dép, nông, lâm, thủy sản.

Về lạm phát, cơ quan này dự báo, năm 2016 lạm phát cơ bản sẽ không cao hơn nhiều năm 2015, ở khoảng 3% và lạm phát sẽ thấp hơn lạm phát cơ bản, ở khoảng 2-3%. So với mục tiêu lạm phát dưới 5% do Quốc hội đề ra, năm 2016 có nhiều dư địa cho việc chủ động điều chỉnh giá hàng hóa và dịch vụ cơ bản cũng như tỷ giá.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam cũng đang đứng trước những thách thức rất lớn, thậm chí lớn hơn năm 2015 như sau:

- Tình hình biến đổi khí hậu đã và đang hoành hành, biểu hiện rất rõ, ảnh hưởng rất lớn đến nền nông nghiệp, khó khăn từ vòng xoáy của giá nông sản, thực phẩm đang giảm trên phạm vi toàn thế giới. Mặt khác chúng ta cũng bị ảnh hưởng do tác động của nền kinh tế thế giới phục hồi không đều. Trong bối cảnh đó, việc Mỹ tăng lãi suất cho vay, dòng vốn thế giới sẽ hút về những nước phát triển như Mỹ, làm đồng tiền đô la mạnh lên, các đồng tiền khác thay đổi. Chúng ta cũng phải thay đổi thông qua tỷ giá, làm đảo lộn tình hình sản xuất kinh doanh. Hay thị trường chứng khoán, bảo hiểm cũng đang khó khăn, tuy phục hồi nhưng chưa thực sự vững chắc.
- Lạm phát sẽ không có biến động lớn do tổng cầu trong năm 2016 mặc dù cải thiện so với năm 2015, nhưng ở mức độ vừa phải và không gây áp lực lên lạm phát. Trong khi đó, giá hàng hóa thế giới được dự báo sẽ giảm trong năm 2016, tạo điều kiện cắt giảm chi phí sản xuất và không tạo ra yếu tố lạm phát chi phí đẩy. Đồng thời, lạm phát tâm lý sẽ tiếp tục ổn định nhờ ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2015. Do đó, lạm phát trong năm 2016 phụ thuộc chủ yếu vào chính sách quản lý giá các mặt hàng cơ bản.

Kinh tế thế giới mặc dù phục hồi nhưng chậm và còn không ít bất trắc. Giá hàng hóa thế giới được dự báo giảm không chỉ trong năm 2016 mà thậm chí ở những năm tiếp theo phần nào sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam.

➤ **Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát;
- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015;

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2016 đạt hiệu quả;
- Nhằm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho công tác quản lý điều hành, hạn chế những rủi ro cho Công ty;
- Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty;
- Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết kiến nghị của Ban giám đốc, thảo luận thông qua các phương án, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Thảo luận các phương án, kế hoạch, chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty;
- Nghiên cứu phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt được kết quả kinh doanh cao nhất.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 11 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư ...

- Thành phần Hội đồng quản trị

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND	Ghi chú
Chủ tịch	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200	Bổ nhiệm từ ngày 06/3/2015
Chủ tịch	Đỗ Văn Hội	06/02/1954	030840161	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch từ ngày 06/3/2015 và miễn nhiệm chức vụ Ủy viên từ ngày 08/5/2015
Phó Chủ tịch	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529	
Ủy viên	Đỗ Hùng Dương	14/10/1968	013380903	Bổ nhiệm từ ngày 08/5/2015
Ủy viên	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647	
Ủy viên	Phạm Văn Toàn	20/6/1961	030640587	
Ủy viên	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031065889	

▪ **Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị**

1) Ông Mai Xuân Ngoạt

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 30/12/1957
 Nơi sinh: Thanh Hóa
 Chứng minh nhân dân: 030767200 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 35, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1/1985 – 7/1994	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh
8/1994 – 11/1996	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Quảng Ninh	Phó Giám đốc Chi nhánh
12/1996 – 10/1998	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách	Phó Giám đốc Xí nghiệp
11/1998 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Trưởng Ban quản lý cải tạo nâng cấp mặt bằng khu nhà ga hành khách tàu biển Chũ Vẽ
5/2001 – 6/2002	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải	Giám đốc Xí nghiệp
6/2002 – 6/2004	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kinh doanh
6/2004 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh
2007 – 3/2015	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ
3/2015 - nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Chủ tịch hội đồng quản trị

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 78.100 cổ phần
 Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 3.000.000 cổ phần (15% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Mai Quốc Huy	Con	5.000	0,025
2	Mai Thị Nga	Em gái	10.000	0,05

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Đỗ Văn Hội:

Chức vụ hiện tại:

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/02/1954

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030840161 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 132/165 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác tàu thủy

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
12/1979 – 8/1984	Lữ đoàn 171 Bộ Tư lệnh Hải quân	Bộ đội Hải quân, Thiếu úy, Trung úy
9/1984 – 1/1998	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
2/1998 – 6/1999	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
7/1999 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó Tổng Giám đốc
1/2007 – 5/2009	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc
5/2009 – 3/2015	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 32.500 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 0 cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Những người có liên quan: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Vương Ngọc Sơn: (Như đã trình bày ở trên)

4) Ông Đỗ Hùng Dương:

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 14/10/1968
 Nơi sinh: Hải Dương
 Chứng minh nhân dân: 013380903
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: P.604 Nhà A1 , ngõ 229 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tàu biển, thuyền trưởng
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
9/1986- 12/1992	Học ĐH tại trường ĐH Hàng Hải – Hải Phòng	
2/1993-12/1996	Trường CĐ Hàng Hải 1	Giảng viên
1/1997-5/2006	Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)	Thuyền viên
5/2006-16/8/2007	P. an toàn Hàng Hải – Cty VTB Vinalines	Chuyên viên
17/8/2007-31/5/2008	Phòng thuyền viên – Cty VTB Vinalines	Phó phòng
01/6/2008 – 27/5/2013	Phòng thuyền viên – Cty VTB Vinalines	Trưởng phòng
28/5/2013- 19/10/2014	Công ty VTB Vinalines	Phó Giám đốc
20/10/2014-nay	Ban QLTV &TB , Tcty HHVN	Trưởng ban
5/2015 - nay	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng ban QLTV&TB Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 2.600.000 cổ phần (13% vốn điều lệ)
 Những người có liên quan: Không
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

5) Ông Nguyễn Quang Duy: (Như đã trình bày ở trên)

6) Ông Phạm Văn Toàn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, trưởng phòng TCCB-LĐ
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 20/6/1961
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 030640587 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 5/2 Lương Văn Can, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lái tàu biển
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
3/1986 – 8/1987	Công ty vận tải biển III	Thủy thủ tàu biển
1988 - 1997	Công ty vận tải biển III	Sỹ quan boong
1997 – 3/2010	Công ty vận tải biển III	Thuyền trưởng
3/2010 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng TCCB – LĐ
2012 - nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng TCCB – LĐ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 35.000 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần
 Những người có liên quan: Không
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

7) Ông Dương Ngọc Tú: (Như đã trình bày ở trên)

➤ Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

Năm 2015 là năm đầy khó khăn và thách thức đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, trước những diễn biến không thuận lợi của tình hình kinh tế trong và ngoài nước, với mục tiêu chiến lược đã được xác định, với vai trò hết sức quan trọng là đại diện cho cổ đông VINASHIP, Hội đồng quản trị Công ty đã cố gắng nỗ lực vượt lên những khó khăn, thách thức với một quyết tâm cao độ nhằm giữ ổn định và phát triển được doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015, Hội đồng quản trị VINASHIP đã tổ chức nghiêm túc họp định kỳ đánh giá tình hình theo Quý và Ban hành các Nghị quyết cụ thể để định hướng Ban điều hành triển khai quyết liệt mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Bám sát các chỉ tiêu Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị để theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty, vạch ra phương án, kế hoạch và giao cho Ban điều hành thực hiện triển khai
- Trong năm 2015 đã tổ chức tổng cộng 11 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét và giải quyết các công việc chính như sau:
 - Tổng kết và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014.
 - Xây dựng chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, lập kế hoạch năm 2016, nghiên cứu sửa đổi Điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh các quý trong năm 2015.
 - Thực hiện công tác nhân sự, xét miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty.
 - Giám sát và phê chuẩn các hợp đồng tín dụng, phương án cơ cấu tài chính Công ty.
 - Xây dựng và giao đơn giá tiền lương năm 2015.
 - Xây dựng các phương án mở rộng thị trường vận tải và thúc đẩy các hoạt động sản xuất dịch vụ. Theo dõi biến động thị trường để chỉ đạo Ban giám đốc điều hành khai thác tàu phù hợp.
 - Chỉ đạo và giám sát Ban giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, giám sát đơn giá sửa chữa đội tàu, bố trí sửa chữa đội tàu một cách hợp lý, khoa học để khai thác tối đa ngày vận doanh của tàu.

- Chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ nhân lực.
- Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện đúng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, an toàn an ninh theo quy trình Bộ luật quản lý an toàn, an ninh (ISM & ISPS Code).

Trong tất cả các phiên họp đều có sự tham dự của các thành viên Ban kiểm soát. Các quyết định về chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh thông qua tại các phiên họp hoặc qua thư tín đều nhận được sự nhất trí của các thành viên tham dự cuộc họp. Các nghị quyết thông qua đều được Hội đồng quản trị ủy nhiệm cho Ban điều hành thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.

➤ **Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và hàng quý; tổ chức các phiên họp định kỳ (hàng quý) để tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích thị trường và lập kế hoạch cho quý tiếp theo và tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các vấn đề phát sinh; theo dõi và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí.

Về cơ bản các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban giám đốc triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao.

2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Tô Hanh	5/12/1954	030878030
Thành viên	Đình Huy Dũng	16/9/1960	031510165
Thành viên	Trần Thị Kim Lan	22/10/1962	030168425

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

1) Ông Tô Hanh

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát,
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 05/12/1954
 Nơi sinh: Vĩnh Phúc
 Chứng minh nhân dân: 030878030 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 10/44, Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
4/1979 – 1/1986	Công ty Vận tải đường sông 204 Hà Nội	Cán bộ điều động
2/1986 – 10/1989	Tổng Cục đường biển	Cán bộ đối ngoại
11/1989 – 6/1994	Công ty Vận tải biển III	Quản trị
7/1994 – 1/2001	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng Kinh doanh
1/2001 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng ban kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.300 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Trúc	Vợ	10.000	0,05

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Đinh Huy Dũng

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/9/1960

Nơi sinh: Hải Dương

Chứng minh nhân dân: 031510165 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 4/14/87, Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
6/1989 – 01/2001	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ
02/2001 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động
01/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 11.400 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Bà Trần Thị Kim Lan

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 22/01/1962

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030168425 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 1, Khu tập thể Cảng 2, Lê Lợi, phường Máy Tơ, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1985 – 1997	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ thương vụ Phòng Kinh doanh
4/1997 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Tài chính Kế toán
5/2001 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Trưởng phòng Kế toán
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên Ban kiểm soát
5/2008 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải	Ủy viên HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty**

- Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, quá trình hoạt động của Ban kiểm soát luôn tuân thủ đúng Điều lệ, quy chế quản lý của Công ty.
- Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm soát các hoạt động và việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.
- Ban kiểm soát thực hiện soát xét, kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2015

a) Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08/5/2015 và Biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, năm 2015 Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: 204.000.000 đồng (*Hai trăm linh bốn triệu đồng chẵn*), trong đó :

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị là : 156.000.000 đ
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát là : 48.000.000 đ
- Trích quỹ HĐQT năm 2014 là : 0

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (tính đến ngày 31/12/2015)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2014		Năm 2015	
			Số cp	Tỷ trọng	Số cp	Tỷ trọng
Hội đồng quản trị						
1	Mai Xuân Ngoạt	Chủ tịch	78.100	0,39%	78.100	0,39%
2	Vương Ngọc Sơn	P.Chủ tịch	21.900	0,11%	77.390	0,38%
3	Đỗ Hùng Dương	Ủy viên				
4	Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	5.600	0,03%	5.600	0,03%
5	Phạm Văn Toàn	Ủy viên	35.000	0,18%	35.000	0,18%
6	Dương Ngọc Tú	Ủy viên	48.000	0,24%	82.000	0,41%
Ban giám đốc						
1	Vương Ngọc Sơn	Tổng GD	21.900	0,11%	77.390	0,38%
2	Nguyễn Quang Duy	P.Tổng GD	5.600	0,03%	5.600	0,03%
3	Dương Ngọc Tú	P.Tổng GD	48.000	0,24%	82.000	0,41%
4	Trần Dũng Chiến	P.Tổng GD	13.300	0,07%	13.300	0,07%
Ban Kiểm soát						
1	Tô Hanh	Trưởng ban	13.300	0,07%	13.300	0,07%

2	Đình Huy Dũng	Ủy viên	11.400	0,06%	11.400	0,06%
3	Trần Thị Kim Lan	Ủy viên	8.970	0,045%	8.970	0,045%

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84-4 38241990/1
Fax: +84-4 38253973
Website: www.aasc.com.vn
- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính và tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán sau đây:

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ

cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực chế độ kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1-“Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính” trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo. »

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC)

2. Kiểm toán nội bộ: không có

3. Báo cáo tài chính (kèm theo)

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK tp.HCM
- Lưu ĐTDN

(Đã ký)

Mai Xuân Ngoạt



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

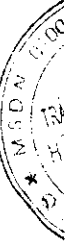
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-46
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-46



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Xuân Ngoạt	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 06/03/2015
Ông Đỗ Văn Hội	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch từ ngày 01/03/2015 và miễn nhiệm chức vụ Ủy viên từ ngày 08/05/2015
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	
Ông Đỗ Hùng Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 08/05/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Ngoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Tô Hạnh	Trưởng ban
Ông Đinh Huy Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

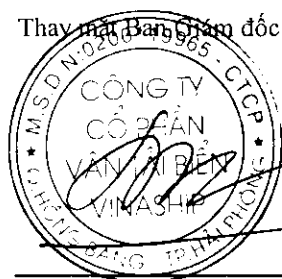
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016

Số: 350/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 20 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Trương Thị Hoài Anh".

Trương Thị Hoài Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2446-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	Đã điều chỉnh VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		173.239.077.031	219.427.951.783
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	42.374.661.125	13.667.212.048
111	1. Tiền		29.374.661.125	13.667.212.048
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	15.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		65.686.124.009	119.915.699.572
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	41.282.469.747	99.080.803.712
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		175.000.000	22.857.170
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	24.228.654.262	20.850.762.690
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(38.724.000)
140	IV. Hàng tồn kho	8	33.222.881.870	53.924.394.297
141	1. Hàng tồn kho		33.222.881.870	53.924.394.297
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.955.410.027	31.920.645.866
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	7.053.530.123	15.936.474.957
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.526.933.305	7.609.224.310
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	8.374.946.599	8.374.946.599
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		882.698.107.540	981.720.912.684
220	II. Tài sản cố định		877.764.136.840	975.740.710.184
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	877.764.136.840	975.740.710.184
222	- Nguyên giá		1.668.555.738.593	1.689.128.307.127
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(790.791.601.753)	(713.387.596.943)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		238.654.500	238.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(238.654.500)	(238.654.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	-	-
231	- Nguyên giá		5.785.803.477	5.785.803.477
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	91.957.200	91.957.200
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		91.957.200	91.957.200
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	4.404.613.500	4.646.263.300
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.998.468.525	6.007.245.775
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.593.855.025)	(1.360.982.475)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		437.400.000	1.241.982.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	437.400.000	1.241.982.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.055.937.184.571	1.201.148.864.467

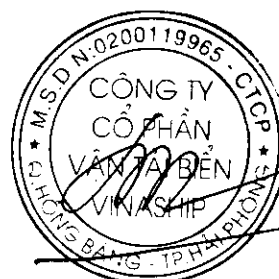
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	Đã điều chỉnh VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		879.868.585.185	985.373.864.125
310	I. Nợ ngắn hạn		321.137.981.485	371.881.234.725
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	42.790.780.549	100.717.118.955
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		367.278.722	4.110.177.209
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.115.540.191	3.374.184.174
314	4. Phải trả người lao động		14.059.855.088	14.794.623.701
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.275.461.903	4.461.536.660
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	22.393.937	12.656.956
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	41.449.807.527	58.815.982.537
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	210.853.419.468	180.821.910.433
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.203.444.100	4.773.044.100
330	II. Nợ dài hạn		558.730.603.700	613.492.629.400
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	558.730.603.700	613.492.629.400
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		176.068.599.386	215.775.000.342
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	176.068.599.386	215.775.000.342
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(106.864.122.468)	(67.157.721.512)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(67.157.721.512)	(70.527.237.282)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(39.706.400.956)	3.369.515.770
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.055.937.184.571	1.201.148.864.467

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởngVương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	Đã điều chỉnh VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	695.322.884.393	761.180.381.750
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		695.322.884.393	761.180.381.750
11	4. Giá vốn hàng bán	23	642.407.915.918	701.423.034.293
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.914.968.475	59.757.347.457
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.601.261.774	2.946.968.205
22	7. Chi phí tài chính	25	70.433.866.034	56.339.760.813
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		38.294.674.473	47.721.824.949
25	8. Chi phí bán hàng	26	10.207.377.530	14.157.879.069
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	27.539.518.986	27.408.247.204
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.664.532.301)	(35.201.571.424)
31	11. Thu nhập khác	28	14.290.476.258	39.001.943.856
32	12. Chi phí khác	29	332.344.913	430.856.662
40	13. Lợi nhuận khác		13.958.131.345	38.571.087.194
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(39.706.400.956)	3.369.515.770
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(39.706.400.956)	3.369.515.770
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(1.985)	168

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

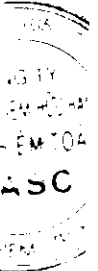
Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		728.938.927.562	759.505.189.649
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(524.067.019.892)	(581.069.478.589)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(86.240.146.658)	(85.915.596.091)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(43.319.821.527)	(45.745.189.382)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.205.077.928	20.682.478.667
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(51.481.614.390)	(45.512.307.668)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		43.035.403.023	21.945.096.586
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(54.200.000)	(3.084.937.655)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		54.975.000.000	5.320.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.000.000.000)	
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.885.000	13.610.400.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40.213.512	529.065.429
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		39.967.898.512	16.374.527.774
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		336.841.273.031	451.394.923.563
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(391.151.282.036)	(480.510.634.115)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.580.000)	(75.270.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(54.311.589.005)	(29.190.980.552)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		28.691.712.530	9.128.643.808

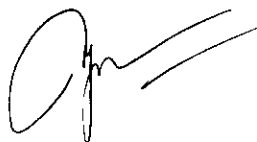


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.667.212.048	4.536.508.000
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		15.736.547	2.060.240
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>42.374.661.125</u>	<u>13.667.212.048</u>



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập



Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê văn phòng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác (Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển);
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm đại lý hàng hóa bảo hiểm, chứng khoán, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, bất động sản);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Tại thời điểm 31/12/2015, nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 147.898.904.454 đồng (tại 31/12/2014 là 152.453.282.942 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty;

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Giám đốc đang làm việc với các ngân hàng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn để mua, đóng mới tàu biển theo Quyết định số 276/QĐ-Ttg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015. Theo Quyết định này, Chính phủ chỉ đạo các Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hỗ trợ, giúp đỡ giải quyết các khó khăn hiện tại của doanh nghiệp như cơ cấu lại các khoản vay theo hướng giảm, khoan nợ gốc và miễn, giảm lãi vay. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cũng chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên làm việc với các ngân hàng thực hiện cơ cấu các khoản nợ vay như trên. Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp;

- Năm 2015, tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ biến động lớn (tỷ giá giao dịch bình quân của ngân hàng tại ngày 01/01/2015 là 21.380 đồng/USD, tại ngày 31/12/2015 là 22.540 đồng/USD), trong khi đó số dư nợ vay dài hạn bằng USD của Công ty lớn (hơn 24 triệu USD) dẫn đến lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ 28,37 tỷ đồng);

- Năm 2014, Công ty đã thanh lý tàu Hà Tiên và tàu Bình Phước, thu được khoản lãi từ thanh lý tàu là 38,57 tỷ đồng. Năm 2015 Công ty đã thanh lý tàu Hà Nam với khoản lãi từ thanh lý là 13,80 tỷ đồng. Điều này đã làm cho thu nhập hoạt động khác năm 2015 giảm đáng kể so với năm 2014.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Xí nghiệp dịch vụ vận tải	Hải Phòng	Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa
Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ	Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ, thu gom hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng

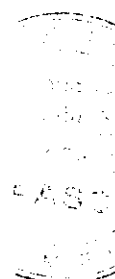
2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 38.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả (trừ các khoản vay): áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả các tổ chức tín dụng: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vay.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

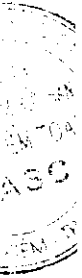
Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------



2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo văn bản số 562/CT-TT&HT ngày 04/05/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng, Công ty được hưởng những ưu đãi về thuế như sau:

1. Ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập có được thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty do Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2007 đến năm 2016;
- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Công ty được miễn 02 năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp 03 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011).

Các khoản thu nhập không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty thì không được ưu đãi thuế TNDN (gồm ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn thuế, giảm thuế).

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

2. Ưu đãi thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ thanh lý tàu biển (tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty): Công ty phát sinh thu nhập là thanh lý tàu biển (là tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh được ưu đãi) thì được hưởng ưu đãi như mục 1 nếu Công ty thực hiện trích khấu hao cao hơn mức tối thiểu và hạch toán sửa chữa tàu vào chi phí hợp lý khi tính thuế.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

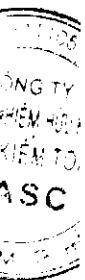
3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO KẾT QUẢ THANH TRA CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 căn cứ trên Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinaship. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	20.618.150.532	20.850.762.690	232.612.158	(1)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(289.598.438)	(38.724.000)	250.874.438	(2)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(2.498.359.775)	(1.360.982.475)	1.137.377.300	(3)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.388.933.647	4.110.177.209	(278.756.438)	(4)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.337.341.262	3.374.184.174	36.842.912	(1)
Phải trả ngắn hạn khác	319	58.738.118.666	58.815.982.537	77.863.871	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(68.942.635.063)	(67.157.721.512)	1.784.913.551	(1,2,3,4)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	760.901.625.312	761.180.381.750	278.756.438	(4)
Chi phí tài chính	22	57.477.138.113	56.339.760.813	(1.137.377.300)	(3)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.659.121.642	27.408.247.204	(250.874.438)	(2)
Chi phí khác	32	2.607.123.615	2.489.218.240	(117.905.375)	(1)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	79	168	89	(1,2,3,4)

(1) Bao gồm:

- Ghi tăng phải thu ngắn hạn khác và ghi giảm chi phí khác do hạch toán thiếu tiền thuế TNCN phải truy thu theo Biên bản kiểm tra thuế với số tiền 195.769.246 đồng;
 - Ghi tăng phải thu ngắn hạn khác và ghi tăng thuế TNCN phải nộp do chưa kê khai thuế TNCN từ tháng 01 đến tháng 05 phần lãi của các hợp đồng cho vay vốn của cán bộ nhân viên với Công ty với số tiền 36.842.912 đồng;
 - Ghi tăng phải trả phải nộp khác và tăng chi phí khác do phạt vi phạm hành chính liên quan đến kê khai thuế thu nhập cá nhân với số tiền 77.863.871 đồng.
- (2) Ghi giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp do trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi không đủ điều kiện với số tiền 250.874.438 đồng.
- (3) Ghi giảm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn và ghi giảm chi phí tài chính do trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải không đủ điều kiện với số tiền 1.137.377.300 đồng.
- (4) Ghi giảm người mua trả tiền trước ngắn hạn và ghi tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ do hạch toán thiếu doanh thu cho thuê tàu định hạn ngày 31/12/2014 với số tiền 278.756.438 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.349.954.520	2.803.487.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.024.706.605	10.863.725.048
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	-
	42.374.661.125	13.667.212.048

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng với tổng số tiền là 13 tỷ đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,0%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		Đã điều chỉnh	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-

Tại ngày 31/12/2015, các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với tổng số tiền là 15 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 5,0%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015 Đã điều chỉnh		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	5.998.468.525	4.404.613.500	(1.593.855.025)	6.007.245.775	4.646.263.300	(1.360.982.475)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	409.605	307.300	(102.305)	9.186.855	5.008.300	(4.178.555)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	1.276.000.000	162.000.000	(1.114.000.000)	1.276.000.000	372.000.000	(904.000.000)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	537.018.920	57.266.200	(479.752.720)	537.018.920	84.215.000	(452.803.920)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	4.185.040.000	4.185.040.000	-	4.185.040.000	4.185.040.000	-
	5.998.468.525	4.404.613.500	(1.593.855.025)	6.007.245.775	4.646.263.300	(1.360.982.475)

Ghi chú: Trường hợp các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường, giá trị hợp lý được xác định bằng giá thị trường. Đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam là cổ phiếu chưa niêm yết, do không xác định được giá thị trường nên không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

6 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC	4.273.500.000	-
- Công ty TNHH LQ - Joton	1.600.383.400	1.901.277.000
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	1.049.820.681	1.117.215.507
- Global Shipbrokering Pte Ltd	3.389.793.692	4.552.557.695
- Peak Maritime SA, Panama	-	9.294.619.197
- Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	8.265.549.600	5.014.141.484
- Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	2.912.071.226	2.457.429.600
- Panamax Limited	-	7.221.081.503
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển quốc tế Sơn Hà	2.784.290.000	762.370.000
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	1.755.310.700	528.621.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	15.251.750.448	66.231.490.226
	<u>41.282.469.747</u>	<u>99.080.803.712</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	41.282.469.747	99.080.803.712
	<u>41.282.469.747</u>	<u>99.080.803.712</u>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Đã điều chỉnh	
	VND	VND	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.781.001.367	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	119.808.126	-	-	-
Tạm ứng	6.270.409.411	-	6.607.734.592	-
Ký cược, ký quỹ	2.155.924.849	-	-	-
Các khoản chi hộ	1.238.552.884	-	1.892.568.733	-
Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	3.502.799.582	-	4.154.740.330	-
Phải thu khác	817.670.469	-	853.231.461	-
	<u>24.228.654.262</u>	<u>-</u>	<u>20.850.762.690</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

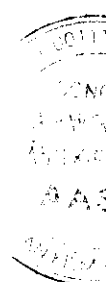
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.799.470.738	-	53.549.337.048	-
Hàng hoá	423.411.132	-	375.057.249	-
	33.222.881.870	-	53.924.394.297	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	91.957.200	91.957.200
- Dự án xây tường bao lô đất 61 khu vực bãi Container Vinaship	91.957.200	91.957.200
	91.957.200	91.957.200



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	27.594.201.494	100.752.694	1.661.148.471.417	284.881.522	1.689.128.307.127
- Mua trong năm	-	-	-	49.272.727	49.272.727
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(20.621.841.261)	-	(20.621.841.261)
Số dư cuối năm	27.594.201.494	100.752.694	1.640.526.630.156	334.154.249	1.668.555.738.593
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.723.528.126	100.752.694	700.282.338.436	280.977.687	713.387.596.943
- Khấu hao trong năm	1.119.226.092	-	96.878.978.660	11.718.594	98.009.923.346
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(20.605.918.536)	-	(20.605.918.536)
Số dư cuối năm	13.842.754.218	100.752.694	776.555.398.560	292.696.281	790.791.601.753
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.870.673.368	-	960.866.132.981	3.903.835	975.740.710.184
Tại ngày cuối năm	13.751.447.276	-	863.971.231.596	41.457.968	877.764.136.840

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 861.628.755.937 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 74.137.139.550 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng nguyên giá là 238.654.500 đồng.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản của Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng và Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê với tổng nguyên giá là 5.785.803.477 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến 31/12/2015 là 5.785.803.477 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	528.770.340	1.614.024.146
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.317.469.889	13.921.780.070
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	207.289.894	400.670.741
	<u>7.053.530.123</u>	<u>15.936.474.957</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công ước lao động hàng hải các tàu	437.400.000	1.241.982.000
	<u>437.400.000</u>	<u>1.241.982.000</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Cockett Marine	1.100.293.600	1.100.293.600	11.441.591.971	11.441.591.971
O.W. Bunker China Ltd	-	-	7.930.582.670	7.930.582.670
MONJASA	7.426.720.931	7.426.720.931	11.067.799.184	11.067.799.184
Phải trả các đối tượng khác	34.263.766.018	34.263.766.018	70.277.145.130	70.277.145.130
	<u>42.790.780.549</u>	<u>42.790.780.549</u>	<u>100.717.118.955</u>	<u>100.717.118.955</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	42.790.780.549	42.790.780.549	100.717.118.955	100.717.118.955
	<u>42.790.780.549</u>	<u>42.790.780.549</u>	<u>100.717.118.955</u>	<u>100.717.118.955</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	801.682	3.034.277.518	967.505.297	966.710.240	801.682	3.035.072.575
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	58.976.594	58.976.594	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-	-	-	8.374.144.917	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	339.906.656	130.176.367	389.615.407	-	80.467.616
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.326.769.000	1.326.769.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
	8.374.946.599	3.374.184.174	2.490.427.258	2.749.071.241	8.374.946.599	3.115.540.191

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.435.166.620	1.479.243.462
- Chi phí bảo hiểm phải trả	2.690.455.283	2.212.131.101
- Chi phí mua nguyên vật liệu phải trả	-	770.162.097
- Chi phí phải trả khác	149.840.000	-
	4.275.461.903	4.461.536.660

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng	22.393.937	12.656.956
	22.393.937	12.656.956

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	Đã điều chỉnh VND
- Kinh phí công đoàn	2.694.052.769	2.819.319.694
- Bảo hiểm xã hội	-	1.696.219.814
- Bảo hiểm y tế	37.050.886	531.226.930
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	67.149.248
- Phải trả về cổ phần hoá	2.401.379.706	2.837.498.608
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.037.980.000	10.039.560.000
- Phải trả lãi vay	18.925.873.977	24.069.755.779
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	2.072.482.577	8.214.355.409
- Phải trả khác cho thuyền viên	727.041.994	1.213.360.729
- Phải trả thuế TNCN của thuyền viên	2.924.413.580	5.774.670.880
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.629.532.038	1.552.865.446
	41.449.807.527	58.815.982.537

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Đã điều chỉnh		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	124.873.204.433	124.873.204.433	337.369.314.579	339.708.852.045	122.533.666.967	122.533.666.967
1. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	82.330.385.338	82.330.385.338	190.562.400.892	192.901.818.023	79.990.968.207	79.990.968.207
2. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	21.482.819.095	21.482.819.095	139.616.913.687	143.547.034.022	17.552.698.760	17.552.698.760
3. Vay cá nhân	21.060.000.000	21.060.000.000	7.190.000.000	3.260.000.000	24.990.000.000	24.990.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	55.948.706.000	55.948.706.000	59.276.819.639	26.905.773.138	88.319.752.501	88.319.752.501
1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	32.031.200.000	32.031.200.000	16.365.600.000	600.000.000	47.796.800.000	47.796.800.000
2. Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	11.969.440.000	11.969.440.000	15.813.389.139	14.226.732.638	13.556.096.501	13.556.096.501
3. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	5.728.232.000	5.728.232.000	6.103.164.000	5.790.676.000	6.040.720.000	6.040.720.000
4. Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đồng Đa	6.219.834.000	6.219.834.000	20.994.666.500	6.288.364.500	20.926.136.000	20.926.136.000
	180.821.910.433	180.821.910.433	396.646.134.218	366.614.625.183	210.853.419.468	210.853.419.468

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Đã điều chỉnh		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ngân hàng	669.441.335.400	669.441.335.400	28.540.259.951	50.931.239.150	647.050.356.201	647.050.356.201
1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	102.985.450.000	102.985.450.000	-	600.000.000	102.385.450.000	102.385.450.000
2. Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	204.089.639.000	204.089.639.000	9.340.081.851	36.788.918.650	176.640.802.201	176.640.802.201
3. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	147.781.973.400	147.781.973.400	7.764.896.600	7.253.956.000	148.292.914.000	148.292.914.000
4. Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đồng Đa	214.584.273.000	214.584.273.000	11.435.281.500	6.288.364.500	219.731.190.000	219.731.190.000
	669.441.335.400	669.441.335.400	28.540.259.951	50.931.239.150	647.050.356.201	647.050.356.201
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(55.948.706.000)	(55.948.706.000)	(59.276.819.639)	(26.905.773.138)	(88.319.752.501)	(88.319.752.501)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	613.492.629.400	613.492.629.400			558.730.603.700	558.730.603.700

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015			Mục đích vay
				USD	VND	Tổng VND tương đương	
1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng					79.990.968.207	
	HỆTD hạn mức MFine số 0298/2015/HĐCVHM ngày 07/07/2015 được gia hạn từ HỆTD hạn mức MFine số 0084/2014/HỆTDMFINE ngày 04/09/2014	80 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương	Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25/06/2016	340.459,12	72.314.636.428	79.990.968.207	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
	HỆTD hạn mức số 0298/2015/HỆTDHM ngày 07/07/2015 được gia hạn từ HỆTD hạn mức số 0046/2014/HỆTDHM ngày 30/06/2014	80 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương	12 tháng từ ngày 25/06/2015				
2	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng					17.552.698.760	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0687/15/HỆTDHM-DN/099 ngày 22/07/2015	287.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương	12 tháng từ ngày 22/07/2015 đến ngày 22/07/2016	779.081,17	-	17.552.698.760	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển tuyến quốc tế
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0820/15/HỆTDHM-DN/099 ngày 28/12/2015	700.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương	12 tháng từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/12/2016				
3	Vay các cá nhân khác					24.990.000.000	
	Căn cứ các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	Không áp dụng	12 tháng	-	24.990.000.000	24.990.000.000	Bổ sung vốn lưu động
	Tổng cộng					122.533.666.967	

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng				102.385.450.000			47.796.800.000	
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007)	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	72.585.450.000	-	72.585.450.000	26.821.600.000	-	26.821.600.000	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007)	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	29.800.000.000	-	29.800.000.000	20.975.200.000	-	20.975.200.000	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước
2	Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng				176.640.802.201			13.556.096.501	
	Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung	132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 27/03/2009)		3.843.937,26	86.669.253.401		601.237,26	13.556.096.501	Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009
	Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung	132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 17/10/2009)		3.990.400,00	89.971.548.800		-	-	Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân				148.292.914.000			6.040.720.000	
	Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTD-DH ngày 01/12/2009 và các văn bản sửa đổi bổ sung	180 tháng kể từ ngày 04/01/2010 đến ngày 04/01/2025		- 6.579.100,00	148.292.914.000		- 268.000,00	6.040.720.000	Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998
4	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đống Đa				219.731.190.000			20.926.136.000	
	Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMD-VNA ngày 17/02/2011	180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011)		- 9.748.500,00	219.731.190.000		- 928.400,00	20.926.136.000	Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT
	Tổng cộng				647.050.356.201			88.319.752.501	

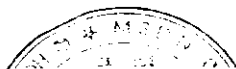
Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng và các khoản vay này đều được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(70.527.237.282)	212.405.484.572
Lãi trong năm trước đã điều chỉnh	-	-	3.369.515.770	3.369.515.770
Số dư cuối năm trước đã điều chỉnh	200.000.000.000	82.932.721.854	(67.157.721.512)	215.775.000.342
Số dư đầu năm nay đã điều chỉnh	200.000.000.000	82.932.721.854	(67.157.721.512)	215.775.000.342
Lỗ trong năm nay	-	-	(39.706.400.956)	(39.706.400.956)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(106.864.122.468)	176.068.599.386



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	82.932.721.854
	82.932.721.854	82.932.721.854

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	116.092,08	347.969,03

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Phải thu khách hàng	303.509.700	303.509.700

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	Đã điều chỉnh VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	549.988.545.481	636.288.712.005
Doanh thu cung cấp dịch vụ	145.334.338.912	124.891.669.745
	695.322.884.393	761.180.381.750

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	508.521.305.585	585.915.177.544
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	133.886.610.333	115.507.856.749
	642.407.915.918	701.423.034.293

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	50.181.361	40.127.749
Lãi bán các khoản đầu tư	2.100.000	1.753.862.455
Cổ tức, lợi nhuận được chia	157.000	488.937.680
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.548.823.413	664.040.321
	1.601.261.774	2.946.968.205

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	Đã điều chỉnh VND
Lãi tiền vay	38.294.674.473	47.721.824.949
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	175.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.520.587.032	1.531.242.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	28.372.438.956	8.112.072.237
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	236.864.800	(1.214.987.145)
Chi phí tài chính khác	9.300.773	14.608.126
	70.433.866.034	56.339.760.813

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	10.207.377.530	14.157.879.069
	10.207.377.530	14.157.879.069

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014 Đã điều chỉnh
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.073.662.714	1.200.257.671
Chi phí nhân công	17.807.906.934	17.236.039.619
Chi phí khấu hao tài sản cố định	270.683.010	453.801.912
Thuế, phí, lệ phí	556.193.000	610.166.000
Chi phí hoàn nhập dự phòng	(38.724.000)	(359.475.438)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.415.237.849	5.933.475.640
Chi phí khác bằng tiền	2.454.559.479	2.333.981.800
	27.539.518.986	27.408.247.204

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	13.802.259.093	38.937.092.968
Lãi chậm nộp được miễn	436.118.902	-
Thu nhập khác	52.098.263	64.850.888
	14.290.476.258	39.001.943.856

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014 Đã điều chỉnh
	VND	VND
Chi phí khác	332.344.913	430.856.662
	332.344.913	430.856.662

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014 Đã điều chỉnh
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(39.706.400.956)	3.369.515.770
Các khoản điều chỉnh tăng	56.999.423	107.684.304
- Chi phí không hợp lệ	53.969.721	107.684.304
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	3.029.702	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(133.855.866.140)	(137.332.909.214)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(157.000)	(488.937.680)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(657.574)
- Chuyển lỗ các năm trước	(133.855.709.140)	(136.843.313.960)
Thu nhập tính thuế TNDN	(173.505.267.673)	(133.855.709.140)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014 Đã điều chỉnh
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(39.706.400.956)	3.369.515.770
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(39.706.400.956)	3.369.515.770
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.985)	168

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014 Đã điều chỉnh
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.482.876.797	260.261.698.646
Chi phí nhân công	91.896.879.698	97.013.020.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.009.923.346	98.657.525.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.582.110.562	279.541.847.830
Chi phí khác bằng tiền	11.183.022.031	7.515.067.648
	680.154.812.434	742.989.160.566

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.374.661.125	-	13.667.212.048	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.511.124.009	-	119.931.566.402	(38.724.000)
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	5.998.468.525	(1.593.855.025)	6.007.245.775	(1.360.982.475)
	128.884.253.659	(1.593.855.025)	139.606.024.225	(1.399.706.475)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	769.584.023.168	794.314.539.833
Phải trả người bán, phải trả khác	84.240.588.076	159.533.101.492
Chi phí phải trả	4.275.461.903	4.461.536.660
	858.100.073.147	958.309.177.985

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

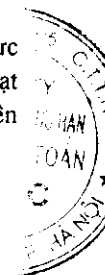
Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.374.661.125	-	-	42.374.661.125
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.511.124.009	-	-	65.511.124.009
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	4.404.613.500	-	4.404.613.500
	122.885.785.134	4.404.613.500	-	127.290.398.634
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.667.212.048	-	-	13.667.212.048
Phải thu khách hàng, phải thu khác	119.892.842.402	-	-	119.892.842.402
Đầu tư dài hạn	-	4.646.263.300	-	4.646.263.300
	133.560.054.450	4.646.263.300	-	138.206.317.750

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	210.853.419.468	347.660.129.700	211.070.474.000	769.584.023.168
Phải trả người bán, phải trả khác	84.240.588.076	-	-	84.240.588.076
Chi phí phải trả	4.275.461.903	-	-	4.275.461.903
	299.369.469.447	347.660.129.700	211.070.474.000	858.100.073.147
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	180.821.910.433	489.046.377.400	124.446.252.000	794.314.539.833
Phải trả người bán, phải trả khác	159.533.101.492	-	-	159.533.101.492
Chi phí phải trả	4.461.536.660	-	-	4.461.536.660
	344.816.548.585	489.046.377.400	124.446.252.000	958.309.177.985

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	336.841.273.031	451.394.923.563
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	391.151.282.036	480.510.634.115

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	549.988.545.481	145.334.338.912	695.322.884.393
Chi phí bộ phận trực tiếp	508.521.305.585	133.886.610.333	642.407.915.918
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41.467.239.896	11.447.728.579	52.914.968.475
Tài sản bộ phận trực tiếp	926.932.648.515	40.565.696.967	967.498.345.482
Tài sản không phân bổ	-	-	88.438.839.089
Tổng tài sản	926.932.648.515	40.565.696.967	1.055.937.184.571
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	838.277.492.294	15.024.567.072	853.302.059.366
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	26.566.525.819
Tổng nợ phải trả	838.277.492.294	15.024.567.072	879.868.585.185

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	519.263.714.696	176.059.169.697	695.322.884.393
Tài sản bộ phận	893.009.709.649	162.927.474.922	1.055.937.184.571
Nợ phải trả bộ phận	12.906.363.275	866.962.221.910	879.868.585.185

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Cổ tức phải trả			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	9.400.000.000	9.400.000.000
Phải trả về cổ phần hoá			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	2.401.379.706	2.837.498.608

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.170.419.176	2.250.699.427

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN
VINASHIP
SC
4-17

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước và phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Kiểm toán Nhà nước			Thay đổi	Ghi chú
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền		
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	218.944.465.187	100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	219.427.951.783	483.486.596	
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	13.667.212.048	110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	13.667.212.048	-	
111	1. Tiền	13.667.212.048	111	1. Tiền	13.667.212.048	-	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	112.824.478.384	130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	119.915.699.572	7.091.221.188	
131	1. Phải thu khách hàng	99.080.803.712	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	99.080.803.712	-	
132	2. Trả trước cho người bán	22.857.170	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	22.857.170	-	
135	5. Các khoản phải thu khác	14.010.415.940	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	20.850.762.690	6.840.346.750	(*)
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(289.598.438)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(38.724.000)	250.874.438	(*)
140	IV. Hàng tồn kho	53.924.394.297	140	IV. Hàng tồn kho	53.924.394.297	-	
141	1. Hàng tồn kho	53.924.394.297	141	1. Hàng tồn kho	53.924.394.297	-	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	38.528.380.458	150	V. Tài sản ngắn hạn khác	31.920.645.866	(6.607.734.592)	
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15.936.474.957	151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15.936.474.957	-	
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	7.609.224.310	152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	7.609.224.310	-	
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8.374.946.599	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8.374.946.599	-	
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6.607.734.592	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(6.607.734.592)	(*)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Kiểm toán Nhà nước			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	980.583.535.384	200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	981.720.912.684	1.137.377.300
220	II. Tài sản cố định	975.832.667.384	220	II. Tài sản cố định	975.740.710.184	(91.957.200)
221	1. Tài sản cố định hữu hình	975.740.710.184	221	1. Tài sản cố định hữu hình	975.740.710.184	-
222	- Nguyên giá	1.689.128.307.127	222	- Nguyên giá	1.689.128.307.127	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(713.387.596.943)	223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(713.387.596.943)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	-	227	3. Tài sản cố định vô hình	-	-
228	- Nguyên giá	238.654.500	228	- Nguyên giá	238.654.500	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(238.654.500)	229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(238.654.500)	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	91.957.200				(91.957.200)
240	III. Bất động sản đầu tư	-	230	III. Bất động sản đầu tư	-	-
241	- Nguyên giá	5.785.803.477	231	- Nguyên giá	5.785.803.477	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế	(5.785.803.477)	232	- Giá trị hao mòn lũy kế	(5.785.803.477)	-
			240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	91.957.200	91.957.200
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	91.957.200	91.957.200
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.508.886.000	250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.646.263.300	1.137.377.300
258	3. Đầu tư dài hạn khác	6.007.245.775	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.007.245.775	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.498.359.775)	254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.360.982.475)	1.137.377.300 (*)
260	IV. Tài sản dài hạn khác	1.241.982.000	260	VI. Tài sản dài hạn khác	1.241.982.000	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	1.241.982.000	261	1. Chi phí trả trước dài hạn	1.241.982.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.199.528.000.571	270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.201.148.864.467	1.620.863.896



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	985.537.913.780	300	C. NỢ PHẢI TRẢ	985.373.864.125	(164.049.655)
310	I. Nợ ngắn hạn	372.032.627.424	310	I. Nợ ngắn hạn	371.881.234.725	(151.392.699)
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	180.821.910.433	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	180.821.910.433	-
312	2. Phải trả người bán	100.717.118.955	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	100.717.118.955	-
313	3. Người mua trả tiền trước	4.388.933.647	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.110.177.209	(278.756.438) (*)
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.337.341.262	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.374.184.174	36.842.912 (*)
315	5. Phải trả người lao động	14.794.623.701	314	5. Phải trả người lao động	14.794.623.701	-
316	6. Chi phí phải trả	4.461.536.660	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.461.536.660	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.738.118.666	318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12.656.956	12.656.956
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.773.044.100	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	58.815.982.537	77.863.871 (*)
330	II. Nợ dài hạn	613.505.286.356	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.773.044.100	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	613.492.629.400	330	II. Nợ dài hạn	613.492.629.400	(12.656.956)
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	12.656.956	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	613.492.629.400	-
			336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	(12.656.956)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Kiểm toán Nhà nước			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	213.990.086.791	400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	215.775.000.342	1.784.913.551
410	I. Vốn chủ sở hữu	213.990.086.791	410	I. Vốn chủ sở hữu	215.775.000.342	1.784.913.551
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	200.000.000.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	71.609.059.675	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	200.000.000.000	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	11.323.662.179	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	11.323.662.179
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(68.942.635.063)				(11.323.662.179)
			421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(67.157.721.512)	1.784.913.551 (*)
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(70.527.237.282)	
			421b	- LNST chưa phân phối năm này	3.369.515.770	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.199.528.000.571	440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.201.148.864.467	1.620.863.896

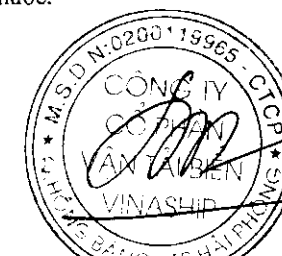
(*) Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước. Xem chi tiết tại Thuyết minh số 3 - Điều chỉnh hồi tố theo kết quả thanh tra của Kiểm toán Nhà nước.



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập



Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016